

ĐO LƯỜNG CÁC TIÊU CHÍ DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM



PGS. TS. Lại Phi Hùng

Trường đại học Kinh tế Kỹ thuật - Công nghiệp

Souksanga Viyaketh

Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào

Tóm tắt

Nghiên cứu này được đưa ra nhằm xây dựng một thang đo lường chủ quan dựa trên tổng hợp có chọn lọc và phát triển các tiêu chí phù hợp với tình huống nghiên cứu, quá trình đánh giá được thực hiện từ phương diện người dân địa phương, đem đến góc nhìn mới về vấn đề phát triển du lịch bền vững. Thang đo này có thể được tiếp tục sử dụng trong tương lai để xem xét sự thay đổi trong tính bền vững của các tiêu chí. Kết quả nghiên cứu cho thấy, vấn đề về kinh tế, văn hóa - xã hội trong du lịch tại Việt Nam đã phát triển tương đối ổn định, nhưng Môi trường Cộng đồng và phát triển du lịch thì lại đang ở dạng tiềm năng. Dựa vào đó, chúng tôi đưa ra một số hàm ý chính sách đối với 2 khía cạnh còn chưa đạt được yêu cầu về mặt bền vững trên.

Từ khóa: du lịch, du lịch bền vững, hộ gia đình

2. Tổng quan nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Quan điểm về du lịch bền vững

Theo Luật Du lịch Việt Nam (2006): “Du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch của tương lai”.

Theo Hội đồng Du lịch và Lữ hành quốc tế (1996): “Du lịch bền vững là việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách và vùng du lịch mà vẫn bảo đảm

những khả năng đáp ứng nhu cầu cho các thế hệ du lịch tương lai”.

Theo Ủy ban Môi trường và Phát triển Quốc tế (1987): “Du lịch bền vững là một quá trình nhằm đáp ứng những nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng của những thế hệ mai sau”.

Từ những khái niệm nêu trên, ta có thể hiểu: “Du lịch bền vững là sự phát triển du lịch có sự quan tâm đến việc bảo tồn các giá trị của tài nguyên du lịch đồng thời giảm thiểu đến mức thấp nhất những tác hại

xấu đến môi trường, kinh tế, văn hóa- xã hội nhằm phục vụ nhu cầu hiện tại của du khách và điểm du lịch mà không làm phương hại đến nhu cầu của tương lai”.

Du lịch bền vững là phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng những nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển các hoạt động du lịch trong tương lai... (Nguyễn Đình Hòa và Vũ Văn Hiếu, Du lịch bền vững, 2001). Du lịch bền vững hướng đến việc quản lý các nguồn tài nguyên sao cho các nhu cầu kinh tế xã hội đều được thỏa mãn trong khi vẫn duy trì được bản sắc văn hóa, các đặc điểm sinh thái, sự đa dạng sinh học và hệ thống hỗ trợ đời sống.

Như vậy, du lịch bền vững là phát triển du lịch trong điều kiện bảo tồn và cải thiện các mặt môi trường, kinh tế, văn hóa và xã hội. Vì vậy, du lịch bền vững cần:

- Sử dụng tài nguyên môi trường một cách tối ưu.
- Tôn trọng bản sắc văn hóa- xã hội của các cộng đồng ở các điểm đến.
- Bảo đảm những hoạt động kinh tế sống động lâu dài, đem lại lợi ích kinh tế, xã hội cho tất cả mọi thành viên.

2.2. Cấu phần của du lịch bền vững

2.2.1. Kinh tế

Bền vững kinh tế bao gồm 2 chủ đề về tăng trưởng và cơ cấu kinh tế, xu hướng sản xuất và tiêu thụ với 14 chỉ tiêu cụ thể. Tuy nhiên, đối với vấn đề phát triển du lịch bền vững thì các cấu phần liên quan đến thu nhập bình quân đầu người không được thảo luận (Priskin (2000), Miller (2001), WTO (1997) và McCool (2001)). Như vậy, ý tưởng về vấn đề này chỉ cần tập trung vào 2 khía cạnh là Ổn định thu nhập và Phân phối thu nhập.

2.2.2. Môi trường

Bền vững về môi trường: bao gồm 7 chủ đề về không khí, đất, đại dương biển và bờ biển, nước sạch và đa dạng sinh học với 19 tiêu chí. Tương tự như kinh tế, vấn đề về môi trường trong du lịch cần được tính riêng biệt, vì một số chỉ tiêu như CO2 lại không cần thiết. Do vậy, các nghiên cứu sau này tập trung vào 2 ý tưởng là Bảo vệ tài nguyên tự nhiên và môi trường, Ý thức bảo vệ môi trường (Castellani và Sala, 2010; Blancas và cộng sự, 2010; Lin và Lu, 2012).

2.2.3. Văn hóa - Xã hội

Bền vững về mặt xã hội: bao gồm 6 chủ đề về công bằng, y tế, giáo dục, nhà ở, an ninh và dân số với 19 chỉ tiêu. Một số chỉ tiêu trong góc độ này không phù

hợp như tội phạm (Wang và cộng sự, 2013; Uzun và cộng sự, 2015). Ngoài ra, vấn đề về văn hóa cũng cần phải chú ý trong 2 góc độ: (1) xâm lược về văn hóa và (2) bảo tồn văn hóa. 2 khía cạnh này thường được đi kèm với nhau. Vì thế, bền vững về văn hóa xã hội được thể hiện trên các khía cạnh Mức độ bảo tồn đặc trưng văn hóa địa phương, Tác động bên ngoài đến văn hóa, Ý thức lưu giữ văn hóa dân tộc; Đóng góp kinh tế cho bảo tồn tài nguyên nhân văn; Cơ hội giáo dục; Đời sống dân cư; An ninh trật tự

2.2.4. Thể chế

Thể chế phát triển bền vững gồm 2 chủ đề khung thể chế và năng lực thể chế, được cụ thể hóa thành 6 chỉ tiêu. Các chỉ tiêu liên quan như thiệt hại về người và của do thiên nhiên, đường dây điện thoại không nên được đề cập trong nghiên cứu về vấn đề du lịch (Azizi và cộng sự, 2011, Rio và cộng sự, 2012). Do đó, thể chế được tiến hành đo lường trên 2 khía cạnh là Tương tác giữa người dân và khách du lịch; Hỗ trợ làm du lịch cho người dân địa phương; Sức tải du lịch.

3. Phương pháp nghiên cứu và kết quả nghiên cứu

3.1. Bảng hỏi và phương thức khảo sát

Một bảng hỏi đã được xây dựng để thu thập sự đánh giá của người dân địa phương về mức độ bền vững du lịch dựa trên bộ tiêu chí đánh giá. Các câu hỏi là các biến đo lường được biên tập lại dưới một số dạng khác nhau để người được hỏi dễ dàng trả lời và đạt được mục đích thu thập dữ liệu, giúp thông tin thu nhận được chính xác hơn tuy nhiên vẫn phục vụ cho một thang đo Likert 5 điểm với mức độ tích cực tăng dần từ 1 đến 5. Bảng hỏi được thiết kế với 45 câu hỏi/mệnh đề đánh giá, với 4 câu hỏi về thông tin cá nhân và 41 câu hỏi/mệnh đề phục vụ nội dung đánh giá phát triển du lịch bền vững. Sau khi hoàn thành bảng hỏi được khảo sát thử nghiệm đồng thời tham khảo chuyên gia để chỉnh sửa lần cuối trước khi thực hiện điều tra chính thức. Nghiên cứu này, chúng tôi chỉ phỏng vấn các hộ gia đình đã làm du lịch tại các địa phương, bỏ qua nhóm doanh nghiệp hoặc khu vực quản lý nhà nước.

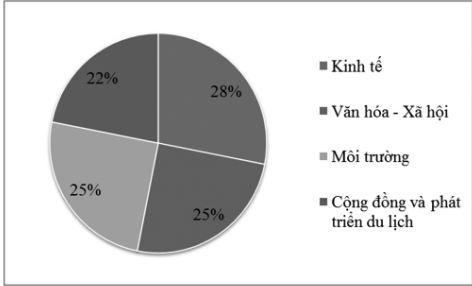
Để có thể tạo được 1 bảng hỏi, chúng tôi sử dụng thuật toán AHP. Vấn đề được xác định ở đây là sự ưu tiên trong phát triển du lịch bền vững giữa các tiêu chí, việc sử dụng thuật toán AHP nhằm đánh trọng số cho các tiêu chí này dựa trên thu thập ý kiến chuyên gia. Cấu trúc thứ bậc các tiêu chí chính là cấu trúc của bộ tiêu chí đánh giá bao gồm ba bậc: Khía cạnh bền vững/Tiêu chí lớn (Criteria), Tiêu chí thành phần (Sub-Criteria) và các biến đo lường (Indicators). Một bảng hỏi được thiết kế riêng để thu thập sự đánh giá

của các chuyên gia về mức độ quan trọng tương đối giữa mỗi 2 tiêu chí hay là sự so sánh các cặp tiêu chí cùng phản ánh một tiêu chí ở bậc cao hơn.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Trọng số của các tiêu chí không chỉ cho phép thực hiện tính toán điểm bền vững mà còn thể hiện mức độ ưu tiên (mức độ đóng góp) của chúng trong thực hiện chiến lược phát triển du lịch, căn cứ vào đó nhà quản lý có thể biết vấn đề gì cần được quan tâm nhiều hơn. Kết quả cho thấy đối với 4 tiêu chí lớn về phát triển du lịch bền vững trọng số của chúng không có sự chênh lệch nhiều xong vẫn thể hiện độ ưu tiên khá rõ ràng, Kinh tế được đánh giá là quan trọng nhất với trọng số 0,281; ít được ưu tiên nhất là Cộng đồng và phát triển du lịch với 0,219 trong khi hai tiêu chí Văn hóa - Xã hội và Môi trường có tầm quan trọng như nhau và bằng 0,25 (hình 1 và bảng 1).

Hình1: Mức độ đóng góp của các khía cạnh du lịch bền vững theo chuyên gia



Nguồn: Xử lý số liệu của nhóm tác giả

Bảng 1: Bảng kết quả so sánh cặp các tiêu chí lớn về phát triển du lịch bền vững

Phát triển du lịch bền vững	Kinh tế	Văn hóa – Xã hội	Môi trường	Cộng đồng và phát triển du lịch
Kinh tế		8/9	8/9	7/9
Văn hóa – Xã hội			8/8	7/8
Môi trường				7/8
Cộng đồng và phát triển du lịch				

Nguồn: Thu thập từ chuyên gia

Ở các cấp tiêu chí nhỏ hơn mức độ quan trọng cũng được thể hiện khá rõ ràng, các tiêu chí thành phần có trọng số cao nhất bao gồm: Phân phối thu nhập (Kinh tế) - 0,667; Đời sống dân cư (Văn hóa -Xã hội) -0,172; Bảo vệ tài nguyên tự nhiên và môi trường, Ý thức bảo vệ môi trường (Môi trường) được đánh giá là quan trọng ngang nhau - 0,5; Hỗ trợ làm du lịch cho người dân địa phương (Cộng đồng và phát triển du lịch) - 0,362 (bảng 2).

Bảng 2: Kết quả đánh giá trọng số của chuyên gia về các tiêu chí

Tiêu chí	Trọng số	Tiêu chí thành phần	Trọng số	Thang đo	Trọng số
Kinh tế (0,000)*	0,281	Ôn định thu nhập (0,000)	0,333	Sự ổn định thu nhập hộ gia đình từ khi làm du lịch	0,167
				Thu nhập từ du lịch tốt hơn nghề truyền thống	0,833
		Phân phối thu nhập (0,000)	0,667	Người dân giữ lại được phần lớn doanh thu du lịch	0,857
				Chính sách thuế, phí về du lịch hơn lợi	0,143

Văn hóa – Xã hội (0,000)	0,25	Mức độ bảo tồn đặc trưng văn hóa địa phương (0,000)	0,135	Trang phục	0,231
				Nhà sàn	0,154
				Điều múa, bài hát dân tộc	0,205
				Tiếng dân tộc	0,231
		Tác động bên ngoài đến văn hóa (0,000)	0,096	Lễ hội truyền thống	0,179
				Mâu thuẫn văn hóa giữa các dân tộc tại địa phương	0,875
				Sự xuất hiện của văn hóa khác	0,125
		Ý thức lưu giữ văn hóa dân tộc (0,000)	0,154	Truyền tải văn hóa địa phương cho khách du lịch	0,25
				Lưu giữ văn hóa của người trẻ	0,75
		Đóng góp kinh tế cho bảo tồn tài nguyên nhân văn (0,000)	0,135	Duy trì giao lưu văn hóa từ nguồn thu du lịch	1
				Cơ hội giáo dục	0,154
				Khả năng nói và viết chữ quốc ngữ	0,539
				Đi học thuận tiện	0,461
		Đời sống dân cư (0,000)	0,172	Cải tạo nhà cửa	0,152
				Nước sạch	0,273
				Dịch vụ y tế	0,242
				Điện	0,273
Môi trường (0,000)	0,25	An ninh trật tự (0,000)	0,154	Mua hàng tiêu dùng	0,06
				Mức độ thường xuyên xảy ra trộm cắp	1
		Bảo vệ tài nguyên tự nhiên và môi trường (0,020)	0,5	Bảo vệ rừng	0,179
				Bảo vệ đất nông nghiệp	0,203
				Ảnh hưởng của bê tông hóa đến cảnh quan	0,354
				Xử lý rác thải	0,263
		Ý thức bảo vệ môi trường (0,001)	0,5	Tuyên truyền bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương	0,209
				Ý thức của khách du lịch	0,403
				Hành động của cộng đồng địa phương	0,389
		Tương tác giữa người dân và khách du lịch (0,010)	0,318	Thái độ phản ứng khi gặp khách du lịch	0,289
				Khả năng sử dụng tiếng Anh	0,13
				Giao lưu văn hóa với khách du lịch	0,581
		Hỗ trợ làm du lịch cho người dân địa phương (0,003)	0,362	Lợi ích nhận được từ các khóa học du lịch	0,223
				Hỗ trợ khác của nhà nước	0,422
				Triếp thu ý kiến người dân	0,355
Cộng đồng và phát triển du lịch (0,010)	0,219	Sức tài du lịch (0,000)	0,32	Sự đáp ứng nhà ở homestay khi quá đông khách du lịch	0,615
				Sự đáp ứng địa điểm tổ chức các hoạt động giải trí khi quá đông khách du lịch	0,385

* Số trong ngoặc là kết quả tỷ lệ nhất quán CR

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Đối với cấp tiêu chí nhỏ nhất là các biến thang đo, ngoài hai trường hợp đặc biệt có trọng số bằng 1 là “Duy trì giao lưu văn hóa từ nguồn thu du lịch” và “Mức độ thường xuyên xảy ra trộm cắp” do chỉ được đo lường bằng 1 biến thì ở các nhóm tiêu chí khác mức độ quan trọng được thể hiện khá rõ ràng bởi sự chênh lệch trọng số đáng kể. Kết quả tỷ số nhất quán CR cho biết tất cả các giá trị đều < 10%, như vậy đánh giá của các chuyên gia là khá đồng nhất và độ tin cậy cao.

Tính bền vững của du lịch tại Việt nam

Kết quả tính toán cho thấy tất cả các mức điểm sự bền vững đều nằm trong khoảng 41-60 (Trung bình) và 61-80 (Bền vững tiềm năng), ngoài ra một số điểm đánh giá các tiêu chí thành phần và thang đo ở dưới mức trung bình (20-40 điểm.) Cụ thể điểm của các tiêu chí Kinh tế và Văn hóa - Xã hội lần lượt là 73,02 và 73,59 -đạt trạng thái bền vững tiềm năng. Tiêu chí Môi trường đạt điểm 58,25 và Cộng đồng và phát triển du lịch là 58,38; hai tiêu chí này có điểm số nằm ở mức trung bình, tức là chưa bền vững. Tuy nhiên nếu phân tích kỹ hơn ta có thể thấy điểm bền vững của hai tiêu chí Môi trường và Cộng đồng và phát triển du lịch gần đạt điểm tuyệt đối của mức trung bình và nằm sát mức bền vững tiềm năng (61 điểm). Trong khi đó Kinh tế và Văn hóa - Xã hội vượt qua mức bền

vững tiềm năng cần thiết (70 điểm) và có thể kết luận có khả năng duy trì ổn định trạng thái bền vững này. Bảng 3 cho thấy sự so sánh trực quan giữa mức độ bền vững của các khía cạnh này, các điểm bền vững tiến càng sát về mốc 100 thì càng bền vững.

Bảng 3: Điểm bền vững của mô hình du lịch tại Việt Nam

Nội dung đánh giá	Phát triển du lịch bền vững	Kinh tế	Văn hóa – Xã hội	Môi trường	Cộng đồng và phát triển du lịch
Điểm bền vững	66,26	73,02	73,59	58,25	58,38
Trạng thái bền vững	Tiềm năng	Tiềm năng	Tiềm năng	Chưa bền vững	Chưa bền vững

Nguồn: Tổng hợp của các tác giả

66,26 là điểm bền vững của cả mô hình du lịch tại bản Lác, từ đó có thể kết luận rằng mô hình du lịch này đạt trạng thái bền vững tiềm năng. Bền vững tiềm năng được hiểu là khả năng đạt được trạng thái bền vững trong tương lai và đang duy trì một cách ổn định các yếu tố tạo nên sự bền vững, tuy nhiên điểm du lịch tại Việt Nam vẫn chưa chạm đến mức bền vững tiềm năng cần thiết (70 điểm). Phần dưới sẽ phân tích kỹ hơn về các khía cạnh thiếu bền vững và một số vấn đề còn tồn tại của các khía cạnh được đánh giá là bền vững.

4. Một số hàm ý chính sách

Mô hình du lịch được phát triển dựa trên người dân địa phương là một mô hình thành công và có mức độ bền vững tiềm năng nhưng chưa đáp ứng tốt tất cả các yếu tố bền vững, 2 trên 4 khía cạnh bền vững được đánh giá chưa bền vững (Môi trường và Cộng đồng & Phát triển du lịch) trong khi đó 2 khía cạnh còn lại (Kinh tế và Văn hóa - Xã hội) đạt mức độ bền vững tiềm năng. Các phương án cải thiện tính bền vững của các khía cạnh trên phải được quan tâm cả trong ngắn hạn và lâu dài.

Mặc dù hai khía cạnh Kinh tế và Văn hóa - xã hội được đánh giá là có khả năng bền vững trong tương lai nhưng điều cấp thiết vẫn phải cải thiện các yếu tố chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển như chính sách thuế phí, hệ thống cấp tải điện và đóng góp kinh tế cho bảo tồn di sản nhân văn. Bên cạnh đó, các yếu tố văn hóa nguyên bản có nguy cơ mai một ngày càng nhiều là khiến cho các khía cạnh này có thể trở nên thiếu bền vững về lâu dài. Chúng tôi đưa ra một số hàm ý chính sách để khắc phục tình trạng trên.

Hàm ý về môi trường và xã hội: cộng đồng dân bản và chính quyền địa phương cần phải thống kê ngay số lượng số gia đình còn giữ lại được ao hồ gắn liền với kiến trúc nhà sàn hoặc nhà truyền thống của dân tộc bản địa. Nghiêm cấm các hành vi san lấp ao hồ để sử dụng cho các mục đích khác và bảo vệ cảnh quan truyền thống này khỏi nguy cơ biến mất. Bên cạnh đó, phải giữ vệ sinh sạch sẽ cho các không gian này để tránh gây mất vệ sinh, tách riêng khu vực nuôi nhốt gia súc gia cầm và đảm bảo được sử dụng cho mục

tiêu du lịch. Đây là điểm hấp dẫn du khách đặc biệt từ những ngày đầu du lịch phát triển và cũng là một nét văn hóa đặc trưng của cộng đồng người dân địa phương. Các công trình bê tông phải được quy định thiết kế phù hợp với kiến trúc nhà sàn truyền thống, các quy định này có thể bao gồm: tỷ lệ chất liệu bê tông của công trình, kiểu dáng thiết kế, màu sắc,... nên được xây dựng khéo léo để không làm ảnh hưởng tới kiểu cách đặc trưng của nhà sàn. Ngoài ra chính quyền địa phương nên tạo ra một quy chuẩn trong xây dựng và thiết kế về các đặc điểm của kiến trúc nhà sàn người Thái cho các nhà sàn mới được xây dựng và hỗ trợ các hộ gia đình sửa sang giữ lại kiến trúc truyền thống trong bản. Một vấn đề nữa phải được lưu tâm và thời gian xây dựng các công trình bê tông hóa, không được diễn ra quá dài và phải đảm bảo không gây bụi bẩn và làm mất mỹ quan điểm du lịch. Khôi phục và trồng mới các hàng cây xanh và cây tự nhiên đã bị chặt phá từ trước để giúp bản lấy lại môi trường trong sạch và tạo nên một vẻ đẹp xanh trong mắt du khách.

Về cộng đồng và phát triển: thái độ tương tác giữa người dân và khách du lịch, tác phong chân chất và ngại giao tiếp của một bộ phận cộng đồng khiến họ bị hiểu lầm là thiếu niềm nở với khách du lịch. Để khắc phục vấn đề này, tốt hơn hết nên nghiên cứu thêm và đưa vào giáo án giảng dạy trong các kỳ tập huấn kinh doanh du lịch các kỹ năng về giao tiếp, ứng xử cho người dân mà không làm thay đổi bản chất văn hóa người dân địa phương tại đây. Các khóa học này mới hướng dẫn một số nghiệp vụ và kỹ năng cơ bản như tạo menu thực đơn song ngữ cho khách, hoạt động kinh doanh nhà ở homestay, tránh phản ứng gây mâu thuẫn với khách... (theo kết quả phỏng vấn người dân địa phương). Cùng với đó là tạo cho người dân một quy cách làm việc chuyên nghiệp, tránh các hiện tượng bỏ trống cửa hàng như phân tích ở phần trước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

[1. Azizi, H., Biglari, M., & Joudi, P. (2011). Assessment the feasibility of sustainable tourism in urban environments employing the cumulative linear model. *Procedia Engineering*, 24-33.

2. Blancas, F. J., Gonzalez, M., Lozano-Oyola, M., & Perez, F. (2009). The assessment of sustainable tourism: Application to Spanish coastal destinations. *Ecological Indicators*, 484-492.

3. D. Rio, & L.M. Nunes. (2012). Monitoring and evaluation tool for tourism destinations. *Tourism Management Perspectives*, 64-66.

4. Dung, T. T. (2012). Tổng quan về ứng dụng phương pháp phân tích thứ bậc trong quản lý chuỗi cung ứng. *Tạp chí Khoa học*, 180-189.

2024 cũng quy định rõ TCTD không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho tổ chức, cá nhân nhất định. Tuy nhiên, quy định pháp luật về quy trình thủ tục định giá tài sản bảo đảm tiền vay của ngân hàng thương mại thực hiện chưa thống nhất, chưa xây dựng cơ chế giám sát, mỗi NHTM đưa ra 1 quy trình áp dụng riêng.

Dưới áp lực để phát triển hoạt động kinh doanh, nhiều NHTM đã nâng khống giá trị khi định giá TSBĐ và gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng với sự xuất hiện hàng loạt đại án ngân hàng (Lê Thị Thảo, 2020). Các khoản vay sử dụng TSBĐ được định giá sai thì khả năng rất lớn sẽ trở thành nợ xấu, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của các cổ đông, nhà đầu tư, sự phát triển các ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung (Nguyễn Kim Đức, 2012).

Mặc dù định giá TSBĐ là hoạt động được thực hiện hàng ngày đối với các NHTM nhưng hành lang pháp lý điều chỉnh hiện nay vẫn phát sinh bất cập, không đảm bảo tính thống nhất khi áp dụng trên thực tế gây ảnh hưởng đến các chủ thể liên quan, nhất là hoạt động kinh doanh của các NHTM. Vì vậy, đặt ra vấn đề cấp thiết là phải hoàn thiện khung pháp lý, quy định pháp luật về quy trình thủ tục định giá tài sản bảo đảm tiền vay của ngân hàng thương mại. Việc hoàn thiện pháp luật về định giá TSBĐ của NHTM có ý nghĩa quan trọng nhằm bảo đảm hoạt động định giá TSBĐ có kết quả khách quan, chính xác, tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và bảo đảm quyền lợi các bên liên quan. Từ những lý do nêu trên, tác giả lựa chọn đề tài: “quy định pháp luật về quy trình thủ tục định giá tài sản bảo đảm tiền vay của ngân hàng thương mại” để tiến hành nghiên cứu.

2. Quy định pháp luật về trình tự, thủ tục định giá tài sản bảo đảm tiền vay của ngân hàng thương mại và thực tiễn thực hiện

2.1. Quy định pháp luật về trình tự, thủ tục định giá tài sản bảo đảm tiền vay của ngân hàng thương mại

Hiện nay, định giá TSBĐ của NHTM được thực hiện chi tiết theo thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 05 năm 2025 ban hành các chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về quy tắc đạo đức nghề nghiệp thẩm định giá, phạm vi công việc thẩm định giá, cơ sở giá trị thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá của Bộ tài chính với các bước như sau:

Bước 1 - Xác định tổng quát về TSBĐ được định giá và xác định giá trị thị trường hoặc phi thị trường làm cơ sở định giá: TĐV cần phải xác định nội dung

về đặc điểm cơ bản về pháp lý, kinh tế - kỹ thuật của TSBĐ; đối tượng sử dụng kết quả định giá; mục đích định giá và thời điểm định giá; xác định cơ sở giá trị của định giá; xác định giả thiết đối với TSBĐ theo quy định. Thẩm định viên được trao đổi với bên yêu cầu định giá về các công việc liên quan đến cuộc định giá nhưng phải bảo đảm không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực giá, thẩm định giá.

Bước 2 - Lập kế hoạch định giá TSBĐ: Nội dung kế hoạch định giá TSBĐ bao gồm việc xác định mục tiêu, yêu cầu, phạm vi và nội dung công việc; xác định phương thức, cách thức tiến hành định giá; xác định dữ liệu cần thiết cho cuộc định giá, các tài liệu cần thu thập về thị trường, tài sản (TS) định giá, TS so sánh; xác định và phát triển các nguồn tài liệu; xây dựng tiến độ thực hiện, trình tự thu thập và phân tích dữ liệu; xác định việc tổ chức thực hiện, phân bổ nguồn lực và xác định nội dung công việc cần thuê chuyên gia tư vấn (Nếu có). Thẩm định viên chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Bước 3 - Khảo sát thực tế, thu thập thông tin về TSBĐ cần định giá: Thẩm định viên (TĐV) khảo sát hiện trạng TS, thu thập và kiểm chứng các thông tin do khách hàng cung cấp, từ kết quả khảo sát thực tế, từ các giao dịch mua bán TS trên thị trường từ cơ quan quản lý nhà nước.

Bước 4 - Phân tích thông tin về TSBĐ cần định giá: Thông tin của TSBĐ TĐV cần phân tích bao gồm thông tin về đặc điểm của TS (pháp lý, kỹ thuật); thị trường của TS; việc sử dụng TS tốt nhất và có hiệu quả nhất; sự thích hợp về mặt vật chất, kỹ thuật đối với việc sử dụng TS; khả thi về tài chính. Căn cứ đặc điểm tài sản thẩm định giá và thông tin thu thập được, tiến hành lựa chọn và áp dụng phương pháp định giá (PPĐG) phù hợp theo quy định tại Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam.

Bước 5: Xác định giá trị TSBĐ được định giá: TĐV phân tích và lựa chọn các PPDG phù hợp để tiến hành định giá và đưa ra kết quả cụ thể. TĐV phải áp dụng từ 02 PPDG trở lên đối với một TS định giá để đối chiếu kết quả và kết luận chính xác về kết quả định giá. TĐV được sử dụng 01 trong trường hợp: (i) Áp dụng phương pháp so sánh khi có nhiều số liệu từ các giao dịch (tối thiểu 03 giao dịch) của các TS so sánh trên thị trường gần thời điểm định giá; (ii) Không có đủ thông tin để áp dụng 02 PPDG trở lên và đưa ra căn cứ thực tế chứng minh cho việc không thể khắc phục được những hạn chế về thông tin này.

Bước 6 - Lập báo cáo kết quả định giá TSBĐ, chứng thư ĐỊNH GIÁ TSBĐ và gửi cho khách hàng,

các bên liên quan: Báo cáo kết quả định giá và chứng thư định giá được lập theo quy định tiêu chuẩn thẩm định viên định giá ngân hàng Việt Nam.

2.2. Thực tiễn thực hiện quy định pháp luật về trình tự, thủ tục định giá tài sản bảo đảm tiền vay của ngân hàng thương mại

Theo công bố của ngân hàng Nhà nước (SBV), hiện cả nước có 30 ngân hàng thương mại cổ phần. Hầu hết các NHTM đều ban hành quy trình định giá TSBĐ riêng để áp dụng trong hệ thống. Việc định giá TSBĐ tiền vay tại NHTM cũng ngày càng được chú trọng, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình định giá nhằm đảm bảo an toàn cho các NHTM.

Ngân Hàng VIB Bank - Chi nhánh Đồng Nai có quy trình định giá đối với một khoản vay cá nhân thế chấp bằng BĐS hiện nay có các yêu cầu khá khắt khe, tuân thủ trình tự định giá TSBĐ, đặc biệt là đối với khâu khảo sát thực tế. Nội dung khảo sát: thu thập toàn bộ hồ sơ BĐS, giấy tờ pháp lý về BĐS, thông tin quy hoạch, chụp hình mặt bằng BĐS, lối vào BĐS, hình dáng, khảo sát vị trí BĐS. Sau khi khảo sát thực tế, cán bộ ĐỊNH GIÁ phải tập hợp tất cả các thông tin, phân tích, tính toán, định lượng giá trị TS ĐỊNH GIÁ. Quy trình thẩm định TS tại VIB Bank theo Quyết định 4642/2017/QĐ-TGĐ ngày 19/09/2020, kết quả thẩm định gồm: 01 Tờ trình thẩm định TS, 01 Biên bản khảo sát hiện trạng TS, 03 Biên bản định giá.

Ngân hàng TMCP Viet Nam Thịnh Vượng (VP Bank) quá trình định giá TSBĐ tiền vay của Ngân hàng được quy định tại Điều 5 quyết định 1725/2012/QĐ-VP ngày 08/05/2012 gồm 4 bước: bước 1: Xác định tính phù hợp của TSBĐ do khách hàng cung cấp; bước 2: Thẩm định, kiểm tra pháp lý và đưa ra yêu cầu bổ sung (nếu có); Bước 3: Xác định hạn mức cho vay của khách hàng so với giá trị TSBĐ; bước 4: Tiếp nhận và quản lý TS. Ngoài ra, đối với việc định giá tài sản bảo đảm là bất động sản, VB bank yêu cầu cán bộ thẩm định phải kiểm tra đối chiếu vị trí thực tế và xác nhận bản chính giấy tờ về tài sản. Hồ sơ lưu của cán bộ thẩm định phải thể hiện ít nhất các nội dung sau: xác định lại vị trí, địa chỉ của BĐS; tên đường phố, hẻm dẫn tới BĐS; Khoảng cách của BĐS đến đường phố gần nhất; Có hình ảnh chụp BĐS và sử dụng ảnh lưu hồ sơ, ảnh chụp phải thể hiện ít nhất 3 nội dung: mặt đường hoặc ngõ, hẻm ... nơi có BĐS; toàn cảnh BĐS và nội thất (Điều 7 quyết định 1725/2012/ QĐ-VP ngày 08/05/2012 của VP Bank).

Trên thực tế, nhân viên thẩm định giá không tuân thủ quy trình khi thẩm định giá, đã gây thiệt hại cho chính ngân hàng khi có tranh chấp. Theo bản án số

05/2023/KDTM-PT ngày 24/03/2023 (Thư viện pháp luật, 2023) về tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp TS, nguyên đơn là ngân hàng TC khởi kiện ông Trần Châu yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ do vi phạm thời hạn thanh toán. Ngày 07/01/2020 Ngân hàng TC và ông Trần Châu có ký hợp đồng vay 3 tỷ đồng với TSBĐ là 2 QSDĐ đứng tên hộ ông Trần Châu theo Hợp đồng thế chấp trước đó đã ký ngày 17/01/2018 (có ký lại biên bản định giá lại TSBĐ). Khi quá hạn, ngân hàng khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trường hợp không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý TSBĐ là quyền sử dụng đất nêu trên. Đối với yêu cầu xử lý TS thế chấp, ông Trần Châu cho rằng đề nghị của nguyên đơn chưa đúng, ông đề nghị tòa án bác bỏ yêu cầu của ngân hàng TC về xử lý TS thế chấp vì hợp đồng thế chấp năm 2020 vô hiệu, không đúng với thực tế. Theo đó, tháng 1 năm 2019 ông Trần Châu và bà Hòa ngụ tại địa phương có thỏa thuận đổi đất và thực tế, hai bên đã xây dựng nhà trên đất nhưng không làm giấy tờ, không đăng ký biến động. Tháng 11 năm 2019 bà Hòa chuyển nhượng nhà đất nêu trên cho vợ chồng ông Huỳnh Cường và bà Nguyễn Lý.

Khi vụ việc đưa ra phúc thẩm, Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp trên bị vô hiệu một phần bởi 2 lý do: (i) Ông Trần Châu và bà Hòa đổi đất không lập biên bản, không đăng ký biến động nhưng đã thực hiện trên thực tế và đã xây dựng công trình, vấn đề này được các bên thừa nhận và phù hợp với hồ sơ vụ án cũng như hiện trạng thực tế về quyền sử dụng đất do bên thứ ba đang quản lý sử dụng; (ii) Lỗi hoàn toàn thuộc về phía Ngân hàng khi bỏ qua các giai đoạn quan trọng trong định giá TSBĐ cho vay. Trước khi ký hợp đồng thế chấp, Ngân hàng bắt buộc phải tiến hành định giá TSBĐ theo quy trình nghiệp vụ riêng của ngân hàng chứ không phải chỉ làm biên bản định giá hình thức để hoàn thiện hồ sơ và tiến hành giải ngân. Do đó, vấn đề sai phạm của cán bộ cấp tín dụng đã gây ra thiệt hại cho Ngân hàng trong trường hợp trên.

Qua nghiên cứu pháp luật kết hợp với thực tiễn áp dụng pháp luật về trình tự, thủ tục định giá TSBĐ tiền vay của NHTM trên thực tế, tác giả nhận thấy một số điểm hạn chế như sau:

Một là, việc áp dụng các quy định pháp luật hiện nay về trình tự, thủ tục định giá TSBĐ tiền vay tại NHTM hiện nay chưa thống nhất. Việc cho phép tự do quy định và tự do thực hiện của các NHTM khiến việc thực thi pháp luật về trình tự, thủ tục định giá TSBĐ tiền vay tại NHTM không đồng nhất, một số

NHTM chỉ quy định chung chung, không đảm bảo được các yêu cầu chi tiết của pháp luật.

Hai là, pháp luật hiện nay chưa quy định cụ thể khung pháp lý về trình tự, thủ tục định giá TSBĐ tiền vay tại NHTM. Hoạt động định giá TSBĐ tiền vay của NHTM là một hoạt động đặc thù, vừa điều chỉnh bởi pháp luật chung, vừa điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành, do đó, cần có các quy định riêng biệt để ghi nhận trình tự, thủ tục để đảm bảo hoạt động này được thực hiện đúng, hiệu quả.

Ba là, pháp luật chưa quy định cơ chế cụ thể giám sát việc thực hiện trình tự, thủ tục định giá TSBĐ của cán bộ NHTM thực hiện định giá. Hoạt động giám sát thường được các NHTM không coi trọng, thậm chí một số NHTM còn bỏ qua hoạt động này. Sự lỏng lẻo trong công tác giám sát đã gây ra hậu quả xảy ra nhiều vi phạm dẫn đến cán bộ định giá phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc hợp đồng thể chấp bị tuyên bố vô hiệu ảnh hưởng đến quyền lợi của các chủ thể liên quan.

3. Hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục định giá tài sản bảo đảm tiền vay của ngân hàng thương mại

Một là, Xây dựng quy trình chuẩn trong định giá TSBĐ của NHTM. Quy định trách nhiệm giám sát tuân thủ. Việc không có quy trình chuẩn và không tuân thủ quy trình định giá TSBĐ đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho các TCTD, nhiều TCTD không thể thu hồi vốn, một số cá nhân bị khởi tố hình sự. Do đó, việc thiết lập quy trình, thủ tục định giá TSBĐ là yêu cầu cơ bản khi tiến hành hoạt động này nhằm đảm bảo kết quả chính xác.

Xây dựng quy trình chuẩn về định giá TSBĐ của NHTM để áp dụng một cách thống nhất gồm 7 bước sau:

- Bước 1: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ định giá
- Bước 2: Xác định vấn đề cần định giá
- Bước 3: Lên kế hoạch định giá
- Bước 4: Khảo sát hiện trường, thu thập và phân tích số liệu
- Bước 5: Phân tích các tài liệu thu thập được và ước tính các giá trị
- Bước 6: Áp dụng các phương pháp để định giá TS
- Bước 7: Hoàn thành báo cáo định giá và báo cáo cho lãnh đạo NHTM

Trên cơ sở quy trình chung này, từng PPĐG và từng loại TSBĐ khác nhau, pháp luật có thể quy định điều chỉnh phù hợp nhằm đảm bảo việc định giá TSBĐ của NHTM được thực hiện đúng quy trình, an

toàn, mang lại hiệu quả và tránh các rủi ro không cần thiết cho các NHTM.

Hai là, cần ban hành văn bản quy định cụ thể về trình tự, thủ tục định giá TSBĐ tiền vay tại NHTM. Hiện nay, định giá TSBĐ của NHTM được thực hiện theo thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 05 năm 2025, tuy nhiên mỗi NHTM áp dụng theo một cách riêng, các NHTM ban hành riêng các quy chế định giá TSBĐ tiền vay tại NHTM. Theo tác giả, để đảm bảo việc thực thi các quy định về trình tự, thủ tục định giá TSBĐ tiền vay của NHTM hiệu quả, pháp luật cần ban hành văn bản quy định cụ thể về quy trình định giá TSBĐ tiền vay của NHTM. Đồng thời, việc bổ sung tạo ra cơ chế xử lý các hành vi vi phạm trình tự, thủ tục định giá TSBĐ tiền vay tại NHTM trên thực tế gây hậu quả thiệt hại cho các NHTM.

Ba là, NHTM cần phải quy định nghĩa vụ giám sát này tại quy định, quy chế riêng như: nghĩa vụ theo dõi quy trình các bước định giá TSBĐ bằng hệ thống điện tử nội bộ ngân hàng, thành lập bộ phận giám sát, nghĩa vụ báo cáo của TĐV... để đảm bảo chủ động thực hiện công tác giám sát, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm, hạn chế các thiệt hại xảy ra cho các NHTM.

4. Kết luận

Định giá TSBĐ tiền vay của NHTM là hoạt động phức tạp chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố như chính sách pháp luật, thị trường, và cả yếu tố đạo đức con người. Việc thực hiện đúng quy định pháp luật về quy trình thủ tục định giá tài sản bảo đảm tiền vay của ngân hàng thương mại có ý nghĩa quan trọng, làm cơ sở cho việc ra quyết định cho vay, góp phần quản lý rủi ro trong các hoạt động của ngân hàng, hạn chế việc phát sinh nợ xấu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024
- Luật Giá năm 2023 (có hiệu lực từ ngày 01/07/2024);
- Luật Ngân hàng Nhà nước 2010
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 109/2013/NĐ-CP của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

RỦI RO PHÁI SINH TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM



TS. Hoàng Thị Bích Hà, TS. Trần Thị Lan

Học viện Tài chính

Tóm tắt

Thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam đi vào hoạt động cùng với thị trường chứng khoán (TTCK) cơ sở đã đánh dấu sự hoàn thiện cấu trúc của TTCK Việt Nam. TTCK phái sinh ra đời tạo thêm công cụ để nhà đầu tư phòng ngừa rủi ro, đồng thời cũng là công cụ để nhà đầu tư có thể đầu tư kiếm lời. Đầu tư vào chứng khoán phái sinh hiện đang là kênh đầu tư có khả năng mang lại lợi nhuận cao nhưng đồng thời cũng tiềm ẩn rủi ro lớn cho các nhà đầu tư Việt Nam. Việc xác định các loại rủi ro trong đầu tư chứng khoán phái sinh và yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro trong đầu tư phái sinh có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà đầu tư, từ đó nhà đầu tư có thể có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp. Bài viết này tập trung vào phân tích các loại rủi ro nhà đầu tư có thể gặp phải, đồng thời đánh giá các yếu tố tác động đến rủi ro trong đầu tư phái sinh trên TTCK Việt Nam thông qua mô hình Garch. Từ đó tác giả đề xuất một số giải pháp đối với nhà đầu tư nhằm giảm thiểu rủi ro đầu tư phái sinh trên TTCK Việt Nam.

Rủi ro đầu tư phái sinh; Mô hình Garch; Hợp đồng tương lai; VN30F.

1. Khái quát về TTCK phái sinh Việt Nam

Tính đến cuối tháng 12/2024, số lượng tài khoản giao dịch CKPS đạt gần 1,9 triệu tài khoản, tăng hơn 20% so với thời điểm cuối năm 2023 và gấp khoảng 110 lần so với thời điểm cuối năm 2017. Khối lượng giao dịch bình quân năm 2024 đạt 213.977 hợp đồng/phiên tăng gấp hơn 20 lần khối lượng giao dịch bình quân năm 2017, khối lượng hợp đồng mở (OI) toàn thị trường đạt 53.604 hợp đồng.

TTCK phái sinh đã từng bước trở thành thị trường

cung cấp công cụ phòng ngừa rủi ro cho nhà đầu tư. Cụ thể, khi thị trường cơ sở biến động mạnh thì khối lượng giao dịch trên TTCKPS tăng cao, cho dù biến động đó là tăng hay giảm. Đặc biệt, khi thị trường cơ sở giảm điểm mạnh, thị trường phái sinh còn góp phần làm giảm áp lực bán tháo trên thị trường cơ sở do nhà đầu tư có thể nắm giữ vị thế bán (short) trên TTCKPS để quản trị rủi ro. Điều này giúp ổn định tâm lý nhà đầu tư, làm cho thị trường cân bằng hơn, góp phần hạn chế đà sụt giảm giá mạnh của thị trường cơ sở.

Trong những ngày đầu thành lập, sản phẩm chính của TTCKPS là hợp đồng tương lai (HĐTL) chỉ số VN30. Tiếp đó, ngày 4/7/2019 sản phẩm HĐTL trái phiếu Chính phủ được đưa vào giao dịch. Tuy nhiên, HĐTL trái phiếu Chính phủ chỉ dành cho nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp do vậy tính thanh khoản trên thị trường này không cao, các phiên có giao dịch rất ít. Các HĐTL chỉ số VN30 hiện đang niêm yết trên thị trường có tính thanh khoản cao, được các nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư tổ chức giao dịch nhiều và thường xuyên.

HĐTL chỉ số VN30 là loại HĐTL có tài sản cơ sở là chỉ số VN30, mô phỏng kỳ vọng của chỉ số VN30 tại thời điểm đáo hạn, là sản phẩm chuẩn hóa về tháng đáo hạn. Chỉ số VN30 được tính dựa trên 30 cổ phiếu có vốn hóa thị trường và tính thanh khoản cao nhất trên sàn HOSE. Hợp đồng tương lai chỉ số VN30 gồm 4 mã hợp đồng: VN30F1M, VN30F2M, VN30F1Q và VN30F2Q tương ứng với 4 tháng đáo hạn đó là tháng hiện tại, tháng kế tiếp, 2 tháng cuối 2 quý gần nhất. Ngày đáo hạn HĐTL là ngày thứ Năm tuần thứ 3 của tháng đáo hạn.

2. Rủi ro trong đầu tư hợp đồng tương lai chỉ số VN30

Cũng giống như các hình thức đầu tư khác, đầu tư vào chứng khoán phái sinh nhà đầu tư cũng gặp những rủi ro nhất định. Một số rủi ro chủ yếu nhà đầu tư có thể gặp phải khi đầu tư HĐTL chỉ số VN30 bao gồm:

Thứ nhất, rủi ro thị trường: Là rủi ro xảy ra do sự biến động giá hợp đồng tương lai. Sự biến động giá HĐTL có rất nhiều nguyên nhân nhưng nguyên nhân chủ yếu là do sự biến động giá của tài sản cơ sở cụ thể là các cổ phiếu trong rổ chỉ số VN30. Xét về bản chất, HĐTL chỉ số VN30 chính là cho phép nhà đầu tư được mua hoặc bán các cổ phiếu trong rổ chỉ số VN30 theo mức giá xác định trong tương lai. Vì vậy khi các cổ phiếu trong rổ VN30 biến động sẽ dẫn đến chỉ số VN30 biến động và từ đó ảnh hưởng đến sự biến động giá của HĐTL VN30. Các cổ phiếu trong chỉ số cơ sở chịu tác động của cả yếu tố vĩ mô và yếu tố từ chính các doanh nghiệp phát hành. Khi các yếu tố vĩ mô thay đổi như lạm phát, lãi suất, tỷ giá ... sẽ tác động lên thị trường cổ phiếu cơ sở. Ngoài ra, các yếu tố rủi ro xuất phát từ chính các doanh nghiệp phát hành trong rổ chỉ số VN30 sẽ tác động trực tiếp đến giá cổ phiếu từ đó tác động đến chỉ số cơ sở VN30. Khi nhà đầu tư mở trạng thái mua/bán HĐTL chỉ số VN30 tức là nhà đầu tư đang kỳ vọng giá HĐTL chỉ số VN30 sẽ tăng/giảm trong tương lai, do vậy nếu giá HĐTL VN30 biến động ngược chiều với kỳ vọng thì nhà đầu tư có thể gặp rủi ro về giá.

Thứ hai, rủi ro thanh khoản: Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể đóng vị thế HĐTL đã mở trước đó. Rủi ro thanh khoản xảy ra khi khối lượng hợp đồng trong các lệnh đối ứng trên thị trường không đủ lớn để hấp thụ khối lượng hợp đồng mà nhà đầu tư cần giao dịch. Mức độ thanh khoản của thị trường được đánh giá thông qua khối lượng HĐTL chỉ số VN30 được giao dịch hàng ngày.

Thứ ba, rủi ro thao túng giá cổ phiếu trong chỉ số VN30 trên thị trường cơ sở. Đây là loại rủi ro khá phổ biến xảy ra vào ngày đáo hạn HĐTL. Do đặc điểm của HĐTL sẽ lấy giá của tài sản cơ sở vào ngày đáo hạn làm giá thanh toán cuối cùng, vì vậy vào ngày đáo hạn phái sinh thường xảy ra hiện tượng thao túng giá trên thị trường cơ sở để kiếm lời từ thị trường phái sinh.

Giá thanh toán cuối ngày của HĐTL chỉ số VN30 từ ngày thành lập đến trước ngày 01/6/2022 là giá trị chỉ số VN30 được xác định dựa trên giá đóng cửa trong phiên đóng cửa (ATC) vào ngày đáo hạn của từng cổ phiếu trong rổ chỉ số VN30. Vì vậy vào những phiên ATC của ngày đóng cửa, các cổ phiếu trong rổ chỉ số thường có biến động giá rất lớn so với giá trong ngày, điều này có thể do một số thế lực đã thực hiện thao túng giá trên thị trường cơ sở để kiếm lời từ thị trường HĐTL, gây ra nhiều rủi ro cho nhà đầu tư cá nhân. Theo Quyết định số 61/QĐ-VSD ngày 16/5/2022 của Tổng giám đốc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, phương pháp tính giá thanh toán cuối cùng của HĐTL đã được điều chỉnh. Theo đó, từ ngày 01/6/2022, giá thanh toán cuối cùng của HĐTL là giá trị trung bình số học giản đơn của chỉ số VN30 trong 30 phút cuối của ngày giao dịch cuối cùng (bao gồm 15 phút trong phiên khớp lệnh liên tục và 15 phút khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa) sau khi loại trừ 3 giá trị chỉ số cao nhất và 3 giá trị chỉ số thấp nhất trong phiên khớp lệnh liên tục. Quy định này giúp giảm thiểu tác động của các biến động giá bất thường trong phiên ATC do hiện tượng thao túng giá vào ngày đáo hạn và đảm bảo giá thanh toán cuối cùng phản ánh chính xác hơn giá trị thị trường.

Thứ tư, rủi ro do phải ký quỹ bổ sung (call margin)

Khi tham gia giao dịch HĐTL chỉ số VN30, nhà đầu tư phải ký quỹ ban đầu với mức ký quỹ 17% giá trị hợp đồng. Tuy nhiên, do cơ chế hoạt động của HĐTL được tính lỗ/lãi hàng ngày theo giá thị trường nên nếu nhà đầu tư mở trạng thái HĐTL mà bị lỗ thì tài khoản của nhà đầu tư sẽ bị trích đi khoản lỗ đó. Nếu tài khoản của nhà đầu tư không đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì thì nhà đầu tư sẽ phải nộp ký quỹ bổ sung (call margin) để vẫn duy trì được trạng thái trước đó đã mở. Trong trường hợp nếu nhà đầu tư không thể

nộp ký quỹ bổ sung thì nhà đầu tư sẽ bị đóng trạng thái và do vậy sẽ không còn cơ hội chờ thị trường biến động có lợi. Đây là rủi ro thường trực với nhà đầu tư HĐTL nếu nhà đầu tư nắm giữ trạng thái hợp đồng trong dài hạn. Đó cũng chính là lý do giải thích tại sao các nhà đầu tư chủ yếu đầu tư ngắn hạn trên thị trường phái sinh.

3. Tác động của các yếu tố đến rủi ro trong đầu tư chứng khoán phái sinh trên TTCK Việt Nam

Trong lĩnh vực đầu tư nói chung và đầu tư phái sinh nói riêng, việc đo lường rủi ro là yếu tố rất quan trọng để ra quyết định đầu tư. Mô hình GARCH (Generalized Autoregressive Conditional Heteroskedasticity) là mô hình phổ biến được sử dụng để mô hình hóa và dự báo độ biến động thay đổi theo thời gian của biến phụ thuộc. Vì vậy, mô hình GARCH là mô hình thường được sử dụng để đo lường rủi ro trong đầu tư tài chính nói chung và rủi ro trong đầu tư phái sinh nói riêng.

Cơ sở lý thuyết mô hình Garch

Mô hình GARCH là một mô hình thống kê được phát triển bởi Robert F. Engle vào những năm 1980 để mô hình hóa sự biến đổi không đều của dữ liệu tài chính. Mô hình này được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực tài chính để phân tích và dự đoán rủi ro. Mô hình GARCH kết hợp các thành phần autoregressive (AR) và moving average (MA) để mô hình hóa sự phụ thuộc của phương sai có điều kiện vào các giá trị đã qua xử lý cũng như các giá trị biến động trước đó. Mô hình GARCH (1,1) cơ bản có dạng như sau:

$$\sigma^2(t) = \omega + \alpha \varepsilon_{t-1}^2 + \beta \sigma^2(t-1)$$

Trong đó: ω là hằng số (Constant)

α : hệ số ARCH – đo lường ảnh hưởng của cú sốc trong quá khứ

β : hệ số GARCH – đo lường ảnh hưởng của phương sai trong quá khứ.

Mô hình GARCH được ước lượng thông qua các phương pháp tối đa hóa hàm hợp lý hoặc phương pháp bình phương nhỏ nhất. Các giá trị ước lượng của các tham số được xác định để tối thiểu hóa sai số giữa dữ liệu quan sát và dữ liệu được dự đoán từ mô hình GARCH.

Trong nghiên cứu này, rủi ro trong đầu tư hợp đồng tương lai chỉ số VN30 được nhóm tác giả nghiên cứu dưới góc độ sự dao động của lợi nhuận kỳ vọng của HĐTL chỉ số VN30 (được đo qua phương sai của VN30F - (VN30F1)). Nhóm tác giả sử dụng mô hình GARCH để đo lường và dự báo mức độ biến động của hợp đồng tương lai chỉ số VN30 kỳ hạn 1 tháng (VN30F1). Sở dĩ nhóm tác giả lựa chọn VN30F1 vì đây là hợp đồng có kỳ hạn ngắn nhất trong 4 hợp đồng niêm yết và đa số các nhà đầu tư trên thị trường phái sinh là nhà đầu tư ngắn hạn. Hơn nữa VN30F1 có tính

thanh khoản cao còn các HĐTL còn lại tính thanh khoản thấp, nhiều phiên không có giao dịch do vậy gây khó khăn trong việc lấy số liệu. Nhóm tác giả thực hiện lấy giá VN30F1 theo giá đóng cửa của ngày giao dịch và khối lượng HĐTL giao dịch hàng ngày trong vòng 3 năm từ ngày 1/3/2022 đến 3/3/2025 với 751 quan sát tương ứng với 751 phiên giao dịch, số liệu được lấy trên website của FiinPro. Mức sinh lời của VN30F1 được xác định theo công thức: $E(VN30F1) = (\text{Giá đóng cửa ngày } t - \text{Giá đóng cửa ngày } t-1)/\text{Giá đóng cửa ngày } t-1$.

Mục đích của việc đo lường sự biến động của mức sinh lời VN30F1 để xác định mức độ tác động của rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và những biến động bất thường từ hành vi thao túng giá trên thị trường cơ sở có ảnh hưởng như thế nào đến rủi ro trong đầu tư HĐTL của nhà đầu tư trên TTCK Việt Nam.

Để sử dụng được mô hình Garch, nhóm tác giả thực hiện kiểm tra tính dừng của biến mức sinh lời của VN30F1.

Bảng 1: Kiểm tra tính dừng của các biến

Dickey-Fuller test for unit root					Number of obs =	592
Test Statistic	1% Critical Value	5% Critical Value	10% Critical Value			
Z(t)	-28.232	-3.430	-2.860	-2.570		
MacKinnon approximate p-value for Z(t) = 0.0000						

Nguồn: Tác giả trích xuất kết quả từ phần mềm Stata

Kết quả của của kiểm định Dickey - Fuller trên chuỗi mức sinh lời của VN30F1 (bảng 1), với p-value = 0.00 cho thấy biến mức sinh lời của VN30F1 có tính dừng do vậy mô hình Garch được sử dụng là phù hợp.

Mô hình Garch cho kết quả như sau:

Bảng 2: Kết quả của mô hình GARCH

ARCH family regression -- multiplicative heteroskedasticity						
Sample: 01mar2022 - 03mar2025, but with gaps			Number of obs =		751	
Distribution: Gaussian			Wald chi2(1) =		.	
Log likelihood = 2403.182			Prob > chi2 =		.	
VARVN30F1M	Coef.	Std. Err.	z	P> z	[95% Conf. Interval]	
VARVN30F1M _cons	.0014559	.0003248	4.48	0.000	.0008192	.0020925
HET EVN30 Liquidity _cons	-8.29527	1.752078	-4.73	0.000	-11.72928	-4.86126
	2.937901	.1230897	23.87	0.000	2.696649	3.179152
	-45.46773	1.527805	-29.76	0.000	-48.46217	-42.47329
ARCH arch L1.	-.0291334	.0268569	-1.08	0.278	-.0817719	.0235051
garch L1.	.0694951	.0370602	1.88	0.061	-.0031415	.1421317

Nguồn: Tác giả trích xuất kết quả từ phần mềm Stata

+ Về phương trình trung bình trong mô hình GARCH: hệ số hằng số trong phương trình trung bình là 0.0014559 với mức ý nghĩa thống kê cao, cho thấy lợi suất trung bình ngày của VN30F1 có giá trị dương, điều này có nghĩa việc đầu tư vào VN30F1 có thể mang về lợi nhuận cho nhà đầu tư.

+ Trong phương trình phương sai có điều kiện của mô hình: Các biến được đưa vào phương trình phương

sai bao gồm biến số EVN30 (đại diện cho mức sinh lời theo ngày của chỉ số VN30) và Liquidity (Logarit cơ số tự nhiên của khối lượng khớp lệnh của VN30F1) đều có ý nghĩa thống kê mạnh ($p\text{-value} < 0.01$).

Cụ thể, biến EVN30 có hệ số âm (-8.29527), cho thấy khi mức sinh lời của VN30 tăng lên, biến động của HĐTL VN30F1M giảm xuống. Điều này phản ánh đặc tính thường gặp ở thị trường tài chính: trong xu hướng thị trường cơ sở tăng trưởng ổn định, mức độ biến động của thị trường phái sinh thường giảm; trong khi trong những giai đoạn thị trường cơ sở suy yếu, biến động trên thị trường phái sinh có xu hướng gia tăng do tâm lý bất ổn của nhà đầu tư.

Biến Liquidity có hệ số dương (2.937901), cho thấy khi thanh khoản tăng, mức biến động của VN30F1M cũng tăng lên. Điều này hàm ý rằng các giai đoạn giao dịch sôi động hơn thường đi kèm với rủi ro cao hơn. Đây cũng là dấu hiệu cho thấy thanh khoản cao có thể đi kèm với hoạt động đầu cơ mạnh hơn, từ đó làm gia tăng rủi ro cho thị trường.

Bên cạnh đó, hệ số ARCH (1) không có ý nghĩa thống kê ($p\text{-value} = 0.278$), cho thấy tác động của các cú sốc ngắn hạn đến phương sai hiện tại là không đáng kể. Hệ số GARCH (1) có giá trị xấp xỉ 0.0695, gần đạt mức ý nghĩa thống kê ($p = 0.061$), cho thấy một phần nhỏ của biến động hiện tại vẫn bị ảnh hưởng bởi độ biến động trong quá khứ, mặc dù tác động này yếu. Như vậy, mức biến động của bản thân thị trường phái sinh không còn là yếu tố chi phối mạnh trong mô hình này.

Kết luận rút ra từ mô hình

Kết quả từ mô hình kiểm định cho thấy rủi ro trên thị trường phái sinh Việt Nam, cụ thể là VN30F1, bị ảnh hưởng rõ rệt bởi các yếu tố bên ngoài như mức độ sinh lời của thị trường cơ sở và thanh khoản của chính HĐTL. Trong khi đó, hiệu ứng từ cú sốc ngắn hạn (ARCH) và kéo dài (GARCH) không còn đóng vai trò quan trọng như trong các mô hình GARCH truyền thống, cho thấy mức độ rủi ro của thị trường phái sinh hiện tại chủ yếu bị chi phối bởi yếu tố mức sinh lời của thị trường cơ sở và tính thanh khoản của thị trường phái sinh hơn là biến động trong quá khứ và các cú sốc ngắn hạn của thị trường.

Điều này khẳng định các cú sốc trong quá khứ không ảnh hưởng đến rủi ro dài hạn của thị trường phái sinh, sự biến động mức sinh lời giảm mạnh trên thị trường cơ sở và tính thanh khoản cao của thị trường phái sinh mới là nguyên nhân chính dẫn đến rủi ro của nhà đầu tư phái sinh.

4. Một số giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro đầu tư phái sinh trên TTCK Việt Nam

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ rủi ro khi đầu tư hợp đồng tương lai VN30F1M chịu ảnh hưởng chủ yếu từ mức độ sinh lời của chỉ số cơ sở VN30 và tính thanh khoản của thị trường phái sinh. Do vậy, nếu nhà đầu tư tham gia TTCK phái sinh Việt Nam với mục đích đầu tư mà không phải phòng ngừa rủi ro cho danh mục cổ phiếu cơ sở thì để giảm thiểu rủi ro trong đầu tư phái sinh, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp đối với các nhà đầu tư như sau:

Thứ nhất, nhà đầu tư nên ưu tiên tham gia giao dịch trong giai đoạn thị trường cơ sở có xu hướng tăng trưởng ổn định, thể hiện qua mức sinh lời dương của chỉ số VN30, khi đó thị trường phái sinh sẽ biến động thấp hay rủi ro đầu tư phái sinh thấp. Ngược lại, nhà đầu tư cần thận trọng khi thanh khoản thị trường phái sinh đột ngột gia tăng, đây là tín hiệu cảnh báo cho sự gia tăng của rủi ro khi đầu tư vào thị trường phái sinh.

Thứ hai, nhà đầu tư nên điều chỉnh linh hoạt khối lượng giao dịch theo dự báo mức độ biến động của chỉ số cơ sở VN30. Cụ thể, nếu dự báo mức độ biến động của VN30 tăng cao thì nhà đầu tư nên giảm quy mô vị thế hợp đồng tương lai nhằm hạn chế rủi ro tiềm ẩn.

Thứ ba, nhà đầu tư nên thiết lập hệ thống cảnh báo rủi ro sớm dựa trên các ngưỡng biến động mức sinh lời của chỉ số VN30 và thanh khoản của thị trường phái sinh để kịp thời điều chỉnh giao dịch phái sinh khi xuất hiện tín hiệu rủi ro. Việc kết hợp thêm các chỉ báo đo biến động ngắn hạn như ATR (Average True Range) cũng giúp tối ưu hóa việc đặt mức dừng lỗ phù hợp với điều kiện thị trường thực tế.

Tóm lại, việc giảm thiểu rủi ro trong đầu tư phái sinh đòi hỏi nhà đầu tư phải chủ động theo dõi các chỉ báo trọng yếu như sự biến động mức độ sinh lời của chỉ số cơ sở và thanh khoản của thị trường phái sinh. Đồng thời nhà đầu tư cần điều chỉnh quy mô giao dịch linh hoạt theo các tín hiệu dự báo để hạn chế những rủi ro tiềm ẩn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ngô Thuỳ Dung, Ngô Thị Ngọc (2020), "Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ sinh lợi trong đầu tư chỉ số VN30F1M tại Việt Nam", *Tạp chí Kinh tế và dự báo* - Số 15 tháng 05/2020.
2. Trịnh Thị Phan Lan (2012), *Rủi ro trên TTCK Việt Nam: Góc nhìn từ phía nhà đầu tư cá nhân*, *Tạp chí khoa học, Đại học Quốc gia Hà.*
3. Nguyễn Trần Bảo Uyên (2018), *Mối quan hệ giữa chỉ số giá giao ngay VN30 và giá hợp đồng tương lai VN30 tại thị trường Việt Nam*, *Đại học Kinh tế, Đại học Huế.*



QUẢN LÝ NỢ XẤU TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM TRƯỚC TÁC ĐỘNG ĐÁNH THUẾ CỦA HOA KỲ LÊN HÀNG HÓA VIỆT NAM

TS. Nguyễn Đình Hoàn
Học viện Tài chính

Tóm tắt

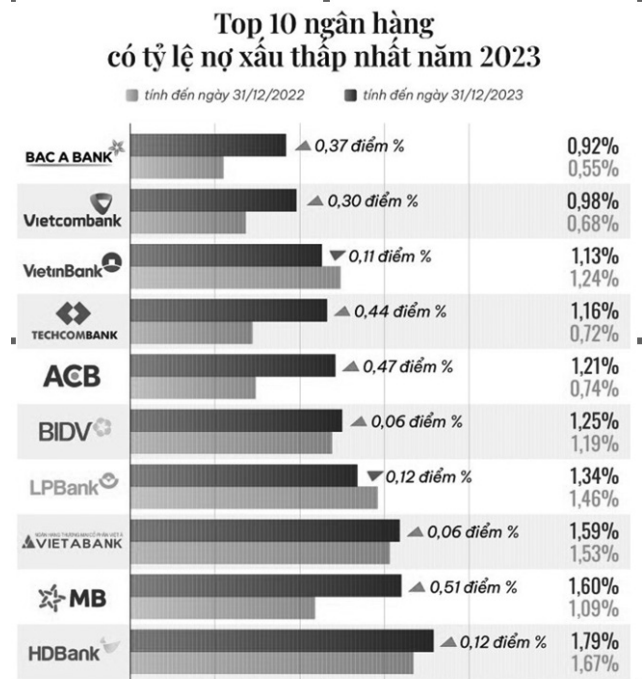
Sau 60 năm xây dựng và phát triển Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) là một trong những NHTM lớn nhất Việt Nam. Với hơn 600 Chi nhánh/PGD/văn phòng đại diện/ĐVTN trong và ngoài nước gồm: 01 Trụ sở chính tại HN; 126 Chi nhánh; 510 PGD; 04 Công ty con ở trong nước (Công ty cho thuê tài chính NHTMCPNTVN... Hoạt động kinh doanh của Vietcombank không chỉ là hoạt động kinh doanh thuần túy đơn thuần mà còn góp phần quan trọng vào việc thực thi chính sách tiền tệ ở Việt Nam. Trong quá trình kinh doanh Vietcombank là một trong những ngân hàng có kết quả nổi bật trong quản lý nợ xấu. Tuy nhiên, sự biến động của nền kinh tế đã tác động mạnh mẽ tới quy mô và chất lượng tài sản tại Vietcombank.

Từ khóa: Nợ xấu, Vietcombank, quản lý nợ xấu.

Kinh tế Việt Nam nói riêng có nhiều biến động phức tạp, cùng với đại dịch Covid-19 và biến đổi khí hậu, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và đặc biệt là chính sách thuế mới của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Những nguyên nhân này gây ra sự đổ vỡ dây chuyền, nhiều DN rơi vào tình trạng phá sản hoặc tạm dừng

hoạt động. Điều này làm cho nợ xấu của các NHTM gia tăng trong đó nợ có khả năng mất vốn chiếm tỷ lệ cao nên càng khiến cho hoạt động kinh doanh của NHTM khó khăn hơn.

Quản lý nợ xấu của Vietcombank trong thời gian qua



Hình 1: Top 10 ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất năm 2023

Nguồn: Minh Quang, 2023

Mặc dù nợ xấu của Vietcombank so với các NHTM khác ở mức thấp nhưng trong giai đoạn 2020-2023, tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng này liên tục tăng. Năm 2020, nợ xấu là 5.230 tỷ đồng (tăng 0,62%), năm 2021 là 6.121 tỷ đồng (tăng 0,64%) và năm 2023 là 12.455 tỷ đồng (tăng 0,98%)

Bảng 1: Kết quả phân loại nợ ở Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam giai đoạn 2019-2023

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Tỷ lệ / Tổng dư nợ (%)	Năm 2020	Tỷ lệ / Tổng dư nợ (%)	Năm 2021	Tỷ lệ / Tổng dư nợ (%)	Năm 2022	Tỷ lệ / Tổng dư nợ (%)	Năm 2023	Tỷ lệ / Tổng dư nợ (%)
Tổng dư nợ	734.707	100	839.788	100	960.750	100	1.145.066	100	1.270.359	100
Dư nợ nhóm 1	726.342	98,9	831.765	99,0	951.131	99,0	1.133.162	99,0	1.252.344	98,6
Dư nợ nhóm 2	2.561	0,35	2.794	0,33	3.498	0,36	4.083	0,36	5.560	0,44
Nợ xấu (Nhóm 3, 4, 5)	5.804	0,79	5.230	0,62	6.121	0,64	7.820	0,68	12.455	0,98

Nguồn: Báo cáo thường niên Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam giai đoạn 2019-2023

Tổng dư nợ phân theo nhóm nợ tăng trưởng tập trung ở Dư nợ nhóm 1 với quy mô dư nợ đến hết năm 2023 ở mức 1,27 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 73% so với năm 2019. Nợ nhóm 2 kiểm soát hiệu quả, tỷ lệ nợ nhóm 2 kiểm soát ở mức 0,33% - 0,36% trong giai đoạn 2019-2022 và tăng lên 0,44% năm 2023 tiềm ẩn khả năng chuyển sang nhóm nợ cao hơn do đến hạn không thu được nợ. Do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid - 19 và thực hiện chương trình hỗ trợ các TCTD yếu kém, tỷ lệ nợ xấu tăng từ 0,62% năm 2020 lên 0,98% năm 2023.

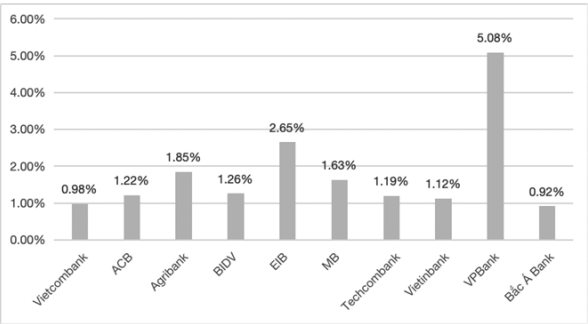
Bảng 2: Tỷ lệ nợ xấu của Vietcombank giai đoạn 2019-2023

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng dư Nợ	734.707	839.788	960.750	1.145.066	1.270.359
Nợ xấu	5.804	5.230	6.121	7.820	12.455
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0,79%	0,62%	0,64%	0,68%	0,98%

Nguồn: Báo cáo thường niên Vietcombank giai đoạn 2019-2023

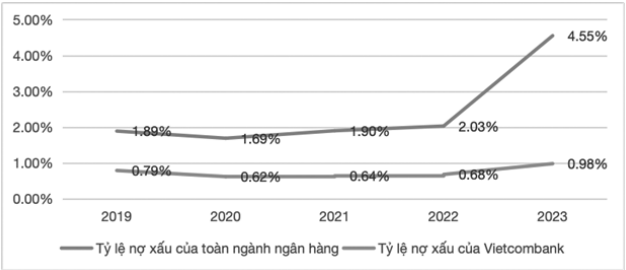
Bảng 2 cho thấy, tỷ lệ nợ xấu của Vietcombank mặc dù có sự gia tăng trong giai đoạn 2020-2023 và đạt mức cao nhất là 0,98% năm 2023 tương ứng 12.455 tỷ đồng. Tuy nhiên, để có thể thấy được toàn cảnh bức tranh về nợ xấu của VCB thì cần đặt trong mối quan hệ so sánh với các NHTM khác và với mức nợ xấu bình quân toàn ngành.



Biểu đồ 1: Tỷ lệ nợ xấu của một số NHTM Việt Nam tính đến 31/12/2023

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Theo dữ liệu thống kê của một số công ty chứng khoán, lợi nhuận sau thuế quý IV/2023 của các ngân hàng niêm yết tăng 25% so với cùng kỳ năm trước đó. Sự khởi sắc về lợi nhuận của các ngân hàng chủ yếu do chi phí vốn giảm mạnh và các ngân hàng đẩy mạnh cho vay. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu của các NHTM đều gia tăng so với cùng kỳ năm trước. Nhìn hình 1 có thể thấy tỷ lệ nợ xấu của Vietcombank năm 2023 đứng ở vị trí thứ 2 sau Ngân hàng TMCP Bắc Á tuy nhiên vẫn thấp hơn nhiều so với tỷ lệ nợ xấu toàn ngành (2,2%). Nếu so sánh trong 4 ngân hàng thương mại lớn nhất có nguồn gốc từ nhà nước (nhóm Big 4) thì tỷ lệ nợ xấu của Vietcombank thấp nhất trong nhóm trong đó cao nhất là Agribank (1,85%), cao thứ hai là BIDV (1,26%), cao thứ ba là Vietinbank (1,12%). Điều này cũng cho thấy công tác quản lý và xử lý nợ xấu của Vietcombank tương đối tốt. Tuy nhiên, vì có sự gia tăng tỷ lệ nợ xấu trong giai đoạn 2020 - 2023 nên cũng cho thấy tiềm ẩn những hạn chế trong quản lý và xử lý nợ xấu của ngân hàng này trong giai đoạn vừa qua. Nguyên nhân của sự gia tăng là do giai đoạn này nền kinh tế phải chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid -19 khiến nhiều cá nhân, doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc trả nợ. Hoạt động xử lý nợ xấu gặp khó khăn do thị trường bất động sản vẫn đóng băng và bất động sản là tài sản bảo đảm chính cho phần lớn các khoản vay.



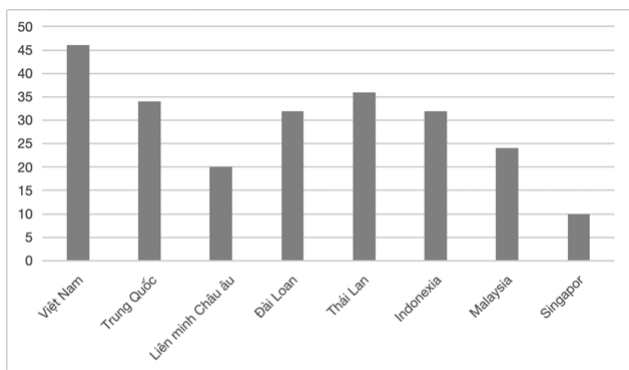
Biểu đồ 2: Tỷ lệ nợ xấu bình quân toàn ngành ngân hàng giai đoạn 2019 - 2023

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Tỷ lệ nợ xấu của Vietcombank trong giai đoạn 2019-2023 luôn ở mức thấp dưới 1% và thấp hơn tỷ lệ nợ xấu trung bình của toàn ngành ngân hàng. Tuy nhiên giai đoạn 2021-2023 thấy có dấu hiệu gia tăng từ 0,64% lên 0,98%, đây cũng là giai đoạn gặp khó khăn của ngành tài chính nói chung và ngành ngân hàng nói riêng do đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam.

Chính sách thuế mới của Hoa Kỳ

Ngày 02/04/2025, chính phủ Mỹ công bố thuế đối ứng áp dụng đối với hàng hóa Việt Nam và các quốc gia khác có quan hệ thương mại Mỹ. Trong đó, mức thuế đối ứng áp dụng cho Việt Nam là 46% thuộc mức các quốc gia bị áp thuế đối ứng cao nhất trong danh sách của chính phủ Mỹ.



Biểu đồ 3: Mức thuế đối ứng Hoa Kỳ công bố ngày 02/04/2025
(Nguồn: Internet và tổng hợp của tác giả)

Mặc dù, được hoãn áp thuế đối ứng 90 ngày và hàng loạt cuộc đàm phán giữa chính phủ Việt Nam nhằm giảm bớt thuế đối ứng mà Hoa Kỳ áp dụng cho Việt Nam nhưng chính sách thuế mới đã tác động mạnh mẽ tới thị trường chứng khoán, thu hút FDI và triển vọng của nền Kinh tế. Về lâu dài, những tác động của chính sách thuế quan mới sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ tới tình hình nợ xấu của các ngân hàng thương mại trong đó có Vietcombank.

Một số giải pháp nâng cao năng lực quản trị nợ xấu của Vietcombank trong bối cảnh mới

Mặc dù là một trong những ngân hàng có năng lực quản trị nợ xấu tốt nhất Việt Nam. Tuy nhiên trước những diễn biến phức tạp của thị trường đặc biệt là việc áp dụng thuế quan của Hoa Kỳ lên các quốc gia trong đó có Việt Nam sẽ tác động mạnh mẽ tới nền Kinh tế, do đó việc quản trị nợ xấu của Vietcombank trong thời gian tới cần tập trung một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, theo dõi sát sao chính sách thuế của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Trong đó, chỉ ra những tác động mạnh mẽ tới các nhóm ngành bị ảnh hưởng nếu chính sách thuế bất lợi từ đó xây dựng lại chiến lược khách hàng và định hướng tín dụng tới những khách hàng ít bị ảnh hưởng, giảm dư nợ của những khách hàng bị ảnh hưởng bởi chính sách thuế từ đó thay đổi cơ cấu và danh mục khách hàng phù hợp với bối cảnh mới.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị rủi ro và thực hiện phòng ngừa nợ xấu phát sinh. Vietcombank cần đẩy mạnh xây dựng và củng cố hệ thống nhận diện và đánh giá rủi ro tín dụng. Bên cạnh đó, cần phát triển các chính sách tín dụng rõ ràng và minh bạch, đồng thời đẩy mạnh sử dụng công nghệ trong quản lý rủi ro tín dụng. Cần thực hiện chặt chẽ chất lượng tín dụng theo thông tư 01 và thông tư 03 và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ.

Thứ ba, đẩy mạnh các biện pháp thu hồi nợ xấu và nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ nhân viên. Vietcombank hoàn thiện hệ thống văn bản quy định nội bộ về quản lý nợ xấu. Phối hợp nhịp nhàng giữa các phòng ban trụ sở chính và các chi nhánh trong việc thu hồi nợ xấu. Bên cạnh đó, cần nâng cao nguồn nhân lực về quản lý nợ xấu tại các chi nhánh và trụ sở chính. Bổ sung thêm các kiến thức pháp lý về tài sản bảo đảm, tố tụng,...đồng thời cập nhật những kiến thức mới liên quan tới xử lý nợ xấu.

Thứ tư, tăng cường đầu tư vào nền tảng công nghệ số và nâng cao năng lực tài chính cho ngân hàng. Hiện nay, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) trong phân tích hành vi khách hàng từ đó tư vấn ra quyết định và tối ưu quy trình cho vay đã được nhiều tổ chức tài chính lớn trên thế giới áp dụng. Vietcombank cần sớm đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ để nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro và tăng cường khả năng đáp ứng nhu cầu cho khách hàng. Ngoài ra, là một ngân hàng có vốn hóa lớn nhưng nền kinh tế Việt Nam là một nền kinh tế có độ mở tương đối cao, chính vì vậy tác động của chính sách thuế quan đối với các doanh nghiệp và nền kinh tế là rất lớn. Do đó, nâng cao năng lực tài chính để có thể làm chủ trong hoạt động kinh doanh và giảm thiểu rủi ro khi biến động tiêu cực là một yêu cầu tất yếu hiện nay của Vietcombank.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Trần Vương Thịnh, Nguyễn Ngọc Hồng Loan (2021), “Các yếu tố tác động đến nợ xấu tại ngân hàng thương mại Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, 12/12/2021
- Thông tư 02/2013/TT-NHNN Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng DPRR để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Thông tư 09/2014/TT-NHNN ngày 18/3/2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2013/TT-NHNN.
- Thông tư 11/2021/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

HƠN 450 NGHÌN NGƯỜI NỘP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ TNCN TỰ ĐỘNG

Bộ Tài chính cho hay, tháng 4/2025, ngành Thuế đã xây dựng và triển khai hoàn thuế TNCN tự động toàn trình đối với người nộp thuế trên cơ sở dữ liệu sẵn có của cơ quan thuế.

Tính từ thời điểm triển khai hoàn thuế TNCN tự động (ngày 4/4/2025) đến ngày 24/4/2025, có 452.003 người nộp thuế nộp tờ khai quyết toán có phát sinh đề nghị hoàn thuế, trong đó có 187.798 hồ sơ đủ điều kiện hoàn thuế tự động, chiếm tỷ lệ 41,5% số tờ khai đề nghị hoàn, với tổng số tiền là 884,2 tỷ đồng.

Đến nay, cơ quan thuế đã tạo lệnh hoàn thuế và gửi điện tử cho Kho bạc Nhà nước để chi hoàn thuế cho người nộp thuế tổng cộng 138.499 lệnh hoàn thuế tương ứng số tiền là 645,5 tỷ đồng.

Trước đó, Phó cục trưởng Cục Thuế Mai Sơn cho hay, với quy trình hoàn thuế TNCN tự động thì người nộp thuế có thể thực hiện toàn bộ thủ tục hồ sơ đề nghị hoàn thuế TNCN thông qua thiết bị di động có cài đặt ứng dụng eTax Mobile. Người nộp thuế chỉ cần thực hiện các thao tác hết sức đơn giản với chức năng “Tờ khai Quyết toán thuế TNCN gợi ý” được tổng hợp từ cơ sở dữ liệu của các tổ chức trả thu nhập và dữ liệu kê khai trong năm của cá nhân, người nộp thuế kiểm tra thông tin trên tờ khai, xác nhận để gửi đến cơ quan thuế. Toàn bộ quy trình giải quyết hoàn thuế TNCN tại cơ quan thuế sẽ thực hiện tự động và truyền thông tin sang Kho bạc Nhà nước để thực hiện chi hoàn cho người nộp thuế trong thời gian nhanh chóng nhất.

Để đảm bảo triển khai được



Bộ Tài chính cho biết, tính từ thời điểm triển khai hoàn thuế TNCN tự động (ngày 4/4/2025) đến ngày 24/4/2025, có 452.003 người nộp thuế nộp tờ khai quyết toán có phát sinh đề nghị hoàn thuế, trong đó có 187.798 hồ sơ đủ điều kiện hoàn thuế tự động, với tổng số tiền là 884,2 tỷ đồng.

hoàn thuế TNCN tự động, cơ quan thuế đề nghị người nộp thuế cài đặt và sử dụng ứng dụng eTax Mobile để được kịp thời cập nhật, thông tin về nghĩa vụ thuế của bản thân (thông tin về các nguồn thu nhập, số thuế đã khấu trừ, nghĩa vụ kê khai quyết toán thuế TNCN, nghĩa vụ thuế đối với thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thông tin nghĩa vụ tài chính đất đai,...)

Bên cạnh đó, người nộp thuế cập nhật đầy đủ thông tin định danh cá nhân, trong đó bao gồm cả thông tin của người phụ thuộc. Việc cập nhật này giúp hệ thống dữ liệu của ngành Thuế đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, từ đó giảm thiểu tối đa sai sót khi tổng hợp dữ liệu và tối ưu hiệu suất xử lý hoàn thuế tự động.

“Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin trên “Tờ khai Quyết toán thuế TNCN gợi ý” hệ thống sẽ tự động thực hiện kiểm

tra, đối chiếu chênh lệch giữa số liệu người nộp thuế tự kê khai và số liệu do cơ quan thuế tổng hợp để hỗ trợ rà soát, kiểm tra và xử lý nhanh các hồ sơ trong trường hợp này, từ đó đảm bảo thời gian giải quyết hồ sơ hoàn thuế TNCN theo quy định pháp luật”, lãnh đạo Cục Thuế cho hay.

Cũng theo ông Mai Sơn, trên cơ sở dữ liệu sẵn có do hệ thống thuế cung cấp, cơ quan thuế cũng mong muốn người nộp thuế chủ động kiểm soát thông tin và đề nghị hoàn thuế trung thực để đảm bảo quyền lợi của chính mình, tránh các vi phạm pháp luật về thuế (nếu có). Hệ thống CNTT ngành Thuế sẽ theo dõi, hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện hậu kiểm, thu hồi số tiền thuế đã hoàn trả và xử lý vi phạm theo quy định đối với người nộp thuế có hành vi gian lận để hoàn thuế TNCN.

PV

BẠN ĐỌC HỎI VTCA TRẢ LỜI

Câu hỏi: Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP, nhưng sau ngày 01/07/2025 chúng tôi phát hiện có sai sót phải lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế mà không ảnh hưởng tới tiền hàng và thuế GTGT phải nộp. Vậy xin hỏi khi xuất hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế có được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8% nữa không? Nếu có sai sót về số lượng hàng hóa dẫn đến sai sót về tiền hàng và thuế GTGT, khi lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế thì áp dụng thuế suất thuế GTGT tại thời điểm nào?

Căn cứ theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP quy định giảm 2% thuế giá trị gia tăng từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/06/2025 đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

- Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP.

- Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo

Nghị định 180/2024/NĐ-CP

- Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP.

- Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 180/2024/NĐ-CP được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại.

Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế GTGT. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế GTGT.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không được giảm thuế GTGT.

- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP, sau ngày 01/07/2025 (tính hướng Chính phủ không tiếp

tục duy trì chính sách giảm thuế GTGT cho giai đoạn 6 tháng cuối năm 2025) phát hiện có sai sót phải lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế mà không ảnh hưởng tới tiền hàng và thuế GTGT phải nộp hoặc điều chỉnh giá tính thuế thì hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%. Trường hợp sai sót về số lượng hàng hóa dẫn đến sai sót về tiền hàng và thuế GTGT thì hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế áp dụng thuế suất thuế GTGT theo quy định tại thời điểm lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế.

- Trường hợp hàng hóa đã mua trước 01/07/2025 với thuế suất 8%, sau ngày 30/06/2025 người mua trả lại hàng hóa do không đúng quy cách, chất lượng, thì người bán lập hóa đơn hoàn trả hàng hóa để điều chỉnh giảm hoặc thay thế hóa đơn đã lập với thuế suất thuế GTGT 8%, người bán và người mua có thỏa thuận ghi rõ hàng bán trả lại.

Câu hỏi: Doanh nghiệp áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng, khoản chiết khấu thương mại của hàng hóa đã bán trong 6 tháng đầu năm 2025 (với thuế suất 8%) nhưng từ 01/07/2025 mới xuất hóa đơn thì thể hiện nội dung chiết khấu thương mại và thuế suất thuế GTGT như thế nào? (giả định chính sách giảm thuế GTGT của Chính phủ không được gia hạn sau ngày

30/6/2025, thuế suất thuế GTGT là 10%)

- Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng và đối với các khoản chiết khấu thương mại của hàng hóa được giảm thuế GTGT với thuế suất 8% đã bán trong 6 tháng đầu năm 2025 nhưng từ ngày 01/07/2025 mới xuất hóa đơn thể hiện nội dung chiết khấu thương mại thì:

+ Trường hợp số tiền chiết khấu được lập vào lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp theo sau ngày 30/06/2025 thì số tiền chiết khấu của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh ở nội dung giá tính thuế, thuế suất thực hiện theo pháp luật hiện hành tại thời điểm lập hóa đơn.

+ Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu sau ngày 30/06/2025 thì người bán lập hóa đơn điều chỉnh và áp dụng thuế suất thuế GTGT 8% tại thời điểm bán hàng.

Công ty chúng tôi không trực tiếp bán hàng hóa cho người tiêu dùng mà bán thông qua hệ thống các nhà phân phối. Công ty có chi hỗ trợ bằng tiền cho điểm bán lẻ thông qua nhà phân phối nếu điểm bán lẻ đạt sản lượng cam kết theo quy định của Công ty, ngoài ra Công ty còn chi hỗ trợ thưởng bằng tiền cho nhân viên bán hàng của nhà phân phối, không phải là nhân viên của Công ty, thì các khoản chi nêu trên có được tính là các khoản chi phí được trừ theo quy định về thuế TNDN không?

Khoản tiền Công ty chi thưởng cho các cá nhân của nhà phân phối (không phải là người lao động của Công ty) có phải khấu trừ thuế TNCN?

Công ty không trực tiếp bán hàng hóa cho người tiêu dùng mà

DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

Nhằm phục vụ cho việc xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, lãi suất thực hiện phát hành trái phiếu Chính phủ trong tháng 5/2025 như sau:

- 1. Trái phiếu kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 1,00%/năm theo phương thức đấu thầu qua TTGDCK.
- 2. Trái phiếu kỳ hạn 1 năm, trả lãi sau hàng năm, lãi suất 1,20%/năm theo phương thức đấu thầu qua TTGDCK.
- 3. Trái phiếu kỳ hạn 2 năm, trả lãi sau hàng năm, lãi suất 2,12%/năm theo phương thức đấu thầu qua TTGDCK.
- 4. Trái phiếu kỳ hạn 3 năm, trả lãi sau hàng năm, lãi suất 2,15%/năm theo phương thức đấu thầu qua TTGDCK.
- 5. Trái phiếu kỳ hạn 5 năm, trả lãi sau hàng năm, lãi suất 2,53%/năm theo phương thức đấu thầu qua TTGDCK.
- 6. Trái phiếu kỳ hạn 7 năm, trả lãi sau hàng năm, lãi suất 2,75%/năm theo phương thức đấu thầu qua TTGDCK.
- 7. Trái phiếu kỳ hạn 10 năm, trả lãi sau hàng năm, lãi suất 2,96%/năm theo phương thức đấu thầu qua TTGDCK.
- 8. Trái phiếu kỳ hạn 15 năm, trả lãi sau hàng năm, lãi suất 3,05%/năm theo phương thức đấu thầu qua TTGDCK.
- 9. Trái phiếu kỳ hạn 20 năm, trả lãi sau hàng năm, lãi suất 3,49%/năm theo phương thức đấu thầu qua TTGDCK.
- 10. Trái phiếu kỳ hạn 30 năm, trả lãi sau hàng năm, lãi suất 3,23%/năm theo phương thức đấu thầu qua TTGDCK.

Tạp chí Tài chính doanh nghiệp xin trân trọng thông báo để các doanh nghiệp có điều kiện theo dõi và thực hiện.

TẠP CHÍ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

bán thông qua hệ thống các nhà phân phối (mua hàng trực tiếp của Công ty) và điểm bán lẻ của nhà phân phối (mua hàng thông qua nhà phân phối); Công ty có chi hỗ trợ bằng tiền cho điểm bán lẻ thông qua nhà phân phối nếu điểm bán lẻ đạt sản lượng cam kết theo quy định của Công ty, ngoài ra Công ty còn chi hỗ trợ thưởng bằng tiền cho nhân viên bán hàng của nhà phân phối không phải là nhân viên của Công ty, thì các khoản chi nêu trên không đủ cơ sở để xác định là khoản chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế TNDN theo

quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ quy định tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính, trường hợp Công ty trực tiếp trả thưởng cho người lao động của Nhà phân phối thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

Bạn đọc có thể gửi các câu hỏi, tình huống liên quan đến lĩnh vực thuế để Ban Biên tập chuyển đến các chuyên gia của VTCA xem xét, trả lời.

NGÀNH HẢI QUAN: **THU NGÂN SÁCH TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠT HƠN 142 NGHÌN TỶ ĐỒNG TRONG 4 THÁNG ĐẦU NĂM**

Cục Hải quan cho biết, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa trong tháng 4/2025 đạt 74,31 tỷ USD, giảm 1,4% (tương ứng giảm 1,06 tỷ USD) so với tháng trước. Trong đó, trị giá xuất khẩu đạt 37,44 tỷ USD, giảm 2,8% (tương ứng giảm 1,06 tỷ USD) và trị giá nhập khẩu đạt 36,87 tỷ USD, tương đương với mức trị giá của tháng trước. Cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam trong tháng 4/2025 thặng dư 0,57 tỷ USD, giảm 64,7% so với mức thặng dư 1,64 tỷ USD của tháng trước.

Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa trong 4 tháng/2025 đạt 276,89 tỷ USD, tăng 15,7% (tương ứng tăng 37,51 tỷ USD) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, trị giá xuất khẩu đạt 140,34 tỷ USD, tăng 13% (tương ứng tăng 16,12 tỷ USD) và trị giá nhập khẩu đạt 136,55 tỷ USD, tăng 18,6% (tương ứng tăng 21,39 tỷ USD). Cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam trong 4 tháng/2025 thặng dư 3,8 tỷ USD, giảm 58,2% so với mức thặng dư 9,05 tỷ USD của cùng kỳ năm trước.

Thông tin về tình hình thu ngân sách nhà nước (NSNN), Cục Hải quan cho biết thêm, số thu NSNN từ hoạt động xuất nhập khẩu tháng 4/2025 đạt 39.732 tỷ đồng, giảm 0,6% so với tháng trước. Lũy kế, trong 4 tháng đầu năm 2025 đạt 142.122 tỷ đồng, bằng 34,58% dự toán được giao, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2024.

Để đảm bảo nhiệm vụ thu ngân sách năm 2025, ông Nguyễn Văn Thọ - Cục trưởng Cục Hải quan chia sẻ, trong quý II/2025, toàn ngành Hải quan tiếp tục quyết liệt triển khai việc xây dựng, sắp xếp



Theo thông tin của Cục Hải quan, số thu NSNN từ hoạt động xuất nhập khẩu tháng 4/2025 đạt 39.732 tỷ đồng, giảm 0,6% so với tháng trước. Lũy kế, trong 4 tháng đầu năm 2025 đạt 142.122 tỷ đồng, bằng 34,58% dự toán được giao, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2024.

tổ chức bộ máy bảo đảm tiến độ, chất lượng theo chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ và Bộ Tài chính. Tích cực tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu gắn với nhiệm vụ thu ngân sách.

Đến nay, nhiều chi cục hải quan đã nhanh chóng ổn định tổ chức, số thu ngân sách tăng trưởng tích cực. Điển hình như Chi cục Hải quan khu vực II (quản lý hoạt động xuất nhập khẩu địa bàn TP. Hồ Chí Minh) cho biết, trong quý I/2025, đơn vị đã thu ngân sách nhà nước đạt hơn 29.650 tỷ đồng, chiếm khoảng 30% tổng thu ngân sách của toàn ngành Hải quan.

Cụ thể, trong quý I/2025, đơn vị đã làm thủ tục xuất nhập khẩu cho 818.767 tờ khai hàng hóa của 44.188 doanh nghiệp tham gia, kim ngạch đạt khoảng 26,84 tỷ USD, trong đó, kim ngạch có thuế đạt khoảng 7,49 tỷ USD.

Chi cục Hải quan khu vực III (quản lý hoạt động xuất nhập khẩu địa bàn Hải Phòng, Thái Bình), đến đầu tháng 4/2025 làm thủ tục cho lượng hàng hóa đạt kim ngạch hơn 29,2 tỷ USD, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2024; thu ngân sách nhà nước đạt 18.672 tỷ đồng, tăng 15,3% so với chỉ tiêu phấn đấu.

Phản ánh về tình hình hoạt động, lãnh đạo Chi cục Hải quan khu vực VIII cho hay, đến nay, đơn vị đã ổn định hoạt động và hoàn thiện bộ máy, nhằm phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp, đảm bảo tính hiệu quả và thuận lợi. Thống kê trong quý I/2025, đơn vị đã làm thủ tục xuất nhập khẩu cho 1.294 doanh nghiệp (tăng 38% so với cùng kỳ); kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 3,71 tỷ USD; tổng thu ngân sách nhà nước đạt trên 4.280 tỷ đồng (tăng 90% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 24% kế hoạch được giao).

Nam Phong

VIETNAM AIRLINES BẢO LÃI HƠN 3.600 TỶ ĐỒNG QUÝ 1/2025

Vietnam Airlines vừa công bố kết quả hoạt động kinh doanh trong Quý 1/2025. Theo đó, doanh thu hợp nhất của doanh nghiệp ước đạt gần 31.107 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt gần 3.625 tỷ đồng. Công ty mẹ Vietnam Airlines đạt doanh thu gần 25.019 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế gần 3.044 tỷ đồng.

Theo thống kê, Quý 1/2025, lượng khách quốc tế đến Việt Nam bằng đường hàng không tăng cao sau nhiều năm. Đối với Vietnam Airlines Group, doanh nghiệp này ước vận chuyển gần 6,2 triệu lượt hành khách, trong đó riêng Vietnam Airlines vận chuyển hơn 6 triệu lượt, tăng lần lượt 6,7% và 6,5% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài doanh thu tăng từ hoạt động vận tải hành khách, vận tải hàng hóa của Vietnam Airlines cũng ghi nhận kết quả tích cực, với doanh thu ba tháng đầu năm 2025 vượt kế hoạch hơn 220 tỷ đồng, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng lợi nhuận.

Bên cạnh đó, Vietnam Airlines hưởng lợi từ giá nhiên liệu bình quân duy trì ở mức khoảng 91 USD/thùng trong quý 1/2025, thấp hơn gần 5% so với bình quân năm trước và thấp hơn nhiều so với dự báo, qua đó cải thiện hiệu quả chi phí. Ngoài ra, trong bối cảnh Pratt & Whitney (PW) triệu hồi động cơ, Vietnam Airlines đã chủ động điều chỉnh lịch bay, tối ưu slot khai thác. Hiệu suất khai thác tàu bay tăng gần 10% so với cùng kỳ, cải thiện rõ rệt hiệu quả vận hành. Vietnam Airlines cũng chủ động duy trì ổn định mạng bay nội địa, phân bổ lịch bay hợp lý, tối ưu hóa nguồn lực trong giai đoạn cao điểm quốc tế, đồng thời thuê bổ sung ba tàu bay dịp Tết, đóng góp trực tiếp



Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines) ghi nhận kết quả kinh doanh khởi sắc trong quý 1/2025, với lợi nhuận hợp nhất trước thuế ước đạt gần 3.625 tỷ đồng, tiệm cận mức đỉnh lịch sử.

37,3 tỷ đồng vào hiệu quả kinh doanh.

Theo đại diện của Vietnam Airlines, các khu vực thị trường quốc tế đều ghi nhận tăng trưởng tích cực, với thị trường Ấn Độ tăng mạnh nhất 26,6%, kế đến là Trung Đông tăng 25,8%, và Đông Bắc Á tăng 13,6% nhờ sự phục hồi của Trung Quốc, Đài Loan, Hong Kong. Chất lượng khách quốc tế cũng cải thiện rõ nét, đặc biệt tại các thị trường doanh thu cao như Nhật Bản, Úc và Ấn Độ. Đối tượng khách doanh thu cao từ Nhật Bản đã phục hồi đạt gần 90% so với cùng kỳ 2019, thay vì 60% như cùng kỳ năm trước.

Mới đây, hãng chính thức khai trương đường bay thẳng kết nối Hà Nội với Bengaluru, trung tâm công nghệ hàng đầu của Ấn Độ với tần suất 4 chuyến khứ hồi mỗi tuần. Từ ngày 07/5/2025, hãng sẽ sử dụng tàu bay Airbus A321 khai thác đường bay Hà Nội - Hyderabad với tần suất 3 chuyến khứ hồi mỗi tuần.

Với việc khai trương hai đường bay mới, Vietnam Airlines đã nâng tổng số điểm đến tại Ấn

Độ lên bốn thành phố lớn gồm New Delhi, Mumbai, Bengaluru và Hyderabad, với sáu đường bay thẳng đang khai thác. Mạng bay mở rộng này đáp ứng nhu cầu di chuyển đa dạng giữa hai quốc gia, đồng thời góp phần thúc đẩy giao thương, du lịch và hợp tác song phương.

Ông Đặng Anh Tuấn, Phó Tổng giám đốc Vietnam Airlines, cho biết Ấn Độ hiện là một trong những thị trường hàng không tăng trưởng nhanh nhất thế giới, với dân số hơn 1,4 tỷ người và tầng lớp trung lưu không ngừng mở rộng.

"Việc mở rộng mạng bay tới các trung tâm công nghệ lớn như Bengaluru và Hyderabad không chỉ đáp ứng nhu cầu đi lại ngày càng cao, mà còn khẳng định vai trò của Vietnam Airlines trong việc kết nối Việt Nam với khu vực Nam Á. Đây cũng là minh chứng cho tinh thần Cùng non sông cất cánh mà Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam không ngừng theo đuổi trong suốt 30 năm qua", ông Tuấn nhấn mạnh.

Hương Lan

Thuế đối ứng của Mỹ:

GIẢM PHỤ THUỘC, TĂNG CƯỜNG THÍCH ỨNG



Chính sách thuế đối ứng của Mỹ được tạm hoãn 90 ngày nhưng những diễn biến này đe dọa đến sự ổn định của nền kinh tế Việt Nam và đặt ra vấn đề cấp bách làm sao để củng cố một cách căn bản thị trường trong nước, giảm phụ thuộc vào xuất khẩu và tăng cường sức chống chịu trước những biến động toàn cầu.

Kích cầu tiêu dùng nội địa

Ông Bùi Nguyễn Anh Tuấn, Phó cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Bộ Công Thương cho hay, trong năm 2025, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 8%, với ba phần chính đóng góp là tiêu dùng nội địa, xuất khẩu và đầu tư công. Trong đó, tiêu dùng nội địa sẽ chiếm 60-65% tỷ trọng năm.

“Như vậy, để đạt tăng trưởng GDP như vậy, thì tổng mức tăng bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phải đạt tốc độ 12%. Đây là con số rất thách thức. Qua theo dõi trong 10 năm trở lại đây, chưa năm nào vượt mức 9%, chưa kể giai đoạn tăng rất thấp là dịch Covid-19. Ngoài ra, với tổng mức tăng bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024 tăng 9%, thì để đạt mục tiêu 12%, mỗi người dân và doanh nghiệp phải

chi tiêu gấp rưỡi so với năm ngoái”, ông Tuấn chỉ rõ.

Trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động khi Chính quyền Mỹ đưa ra mức áp thuế quan với các quốc gia, theo ông Tuấn cần có giải pháp để tránh phụ thuộc vào một vài thị trường lớn, hay các thị trường truyền thống có rủi ro về thuế.

Song song với đó, kích cầu tiêu dùng nội địa. Với chiến dịch truyền thông quốc gia, tăng cường các hoạt động truyền thông để khuyến khích người dân sử dụng sản phẩm và dịch vụ Việt Nam, nhấn mạnh chất lượng và giá trị của hàng hóa nội địa. Thúc đẩy du lịch nội địa - Phối hợp với ngành du lịch để triển khai các gói khuyến mãi, kết nối trải nghiệm du lịch với các sản phẩm và dịch vụ địa phương, qua đó thúc đẩy tiêu dùng và quảng bá văn hóa Việt Nam.

Cùng với đó, hỗ trợ doanh

nh nghiệp trong nước bằng các chính sách tài chính ưu đãi chính sách thuế. Phát triển hạ tầng thương mại hiện đại. Nâng cấp chợ truyền thống - Ứng dụng công nghệ số vào quản lý và thanh toán tại các chợ, đặc biệt ở khu vực nông thôn, để tăng hiệu quả và tiện lợi cho người tiêu dùng. Phát triển bán lẻ hiện đại...

Ông Tuấn cho biết, Bộ Công Thương cũng đề xuất Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ ban hành các chính sách hỗ trợ tài khóa, như gia hạn giảm thuế VAT, và chỉ đạo đồng bộ các chương trình phát triển thị trường trong nước. Ngân hàng Nhà nước phối hợp triển khai các gói tín dụng ưu đãi, đặc biệt cho các doanh nghiệp áp dụng công nghệ xanh và sản xuất bền vững.

Tăng cường cho vay tiêu dùng lãi suất ưu đãi

Theo ông Trần Anh Thắng, Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), thuế quan Mỹ có thể tạo cơ hội cho hàng Việt thay thế, đưa tiêu dùng nội địa lên ngôi. Cụ thể, khi hàng nhập khẩu đắt đỏ hơn, hàng Việt có thể được ưu tiên hơn, từ đó thúc đẩy tiêu dùng nội địa nếu nguồn cung và chất lượng đảm bảo.

“Đây là thời điểm vàng để kích cầu nội địa, thông qua khuyến mãi tiêu dùng hàng Việt”, ông Thắng nói, bổ sung rằng các ngân hàng tăng cường cho vay tiêu dùng lãi suất ưu đãi. Bên cạnh đó, chính sách thuế hỗ trợ sản xuất nội địa.

Ông Thắng khuyến nghị thúc đẩy cầu nội địa để củng cố trụ cột tăng trưởng bền vững này. Chi tiêu hộ gia đình hiện chiếm trên 53-57% GDP Việt Nam, tức cầu nội địa là động lực chính của tăng

trường. Tín dụng tiêu dùng tạo đòn bẩy tài chính giúp hộ gia đình mua sắm, nâng cấp nhà cửa, xe cộ, học hành... sớm hơn, từ đó kích cầu sản xuất và dịch vụ.

Tín dụng và tiêu dùng lan tỏa đến các ngành sản xuất và dịch vụ. Khi người dân vay tiêu dùng để mua hàng hóa - dịch vụ, các ngành như bán lẻ, điện tử, nội thất, du lịch, giáo dục, y tế đều được hưởng lợi.

Để tăng trưởng tín dụng tiêu dùng nội địa, ông Thắng đề xuất phát triển sản phẩm thông qua các gói vay nhỏ - linh hoạt - không tài sản đảm bảo phục vụ các nhu cầu chi tiêu thực: mua đồ gia dụng, học phí, du lịch nội địa, chăm sóc sức khỏe... Bên cạnh đó, mở rộng tín dụng tiêu dùng xanh/số: vay mua xe điện, thiết bị tiết kiệm năng lượng, tiêu dùng bền vững. Đẩy mạnh tái cấu trúc nợ, giãn nợ có kiểm soát để hỗ trợ người dân trong giai đoạn tài chính khó khăn.

Về giải pháp vĩ mô đối với cấp chính sách và nhà nước, ông Thắng đề xuất ưu tiên room tín dụng cho vay tiêu dùng trong chính sách điều hành; bù lãi suất cho các khoản vay tiêu dùng thiết yếu qua ngân sách nhà nước; mở rộng cơ sở dữ liệu tín dụng và hỗ trợ xếp hạng tín dụng cá nhân giúp các ngân hàng phê duyệt cho vay tiêu dùng cá nhân và doanh nghiệp nhanh; tích hợp tín dụng tiêu dùng vào các chương trình kích cầu quốc gia; kết hợp chính sách thuế - trợ giá với tín dụng tiêu dùng hàng Việt.

PGS. Trần Đình Thiên, nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam nêu rõ, dữ liệu cho thấy trong cấu trúc GDP, khu vực tư nhân chiếm sản lượng 51% còn khu vực FDI chiếm 20-22%. Tuy nhiên, xuất khẩu của khu vực trong nước chỉ chiếm 25-27%, trong đó khu vực FDI chiếm hơn 70%. Kim ngạch xuất khẩu tương đương GDP của Việt Nam.

Tại Công điện số 47/CĐ-TTg ngày 22/4/2025 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2025, Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương khẩn trương rà soát, đánh giá tác động từ chính sách thuế đối ứng của Mỹ đối với Việt Nam; xây dựng các chính sách hỗ trợ về tài khóa đối với doanh nghiệp, người lao động trong các ngành nghề, lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi chính sách thuế quan của Mỹ, báo cáo cấp có thẩm quyền trong tháng 4/2025.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương, tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí, tăng cường chuyển đổi số để phần đầu giảm mặt bằng lãi suất cho vay; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng; đẩy mạnh cho vay ngắn hạn để hỗ trợ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng do chính sách thuế quan của Mỹ.

Mở rộng phạm vi, đối tượng tham gia gói tín dụng ưu đãi đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản, đồ gỗ bị tác động bởi chính sách thuế quan đối ứng của Mỹ.

Về tiêu dùng, Thủ tướng giao Bộ Công Thương, các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao đẩy mạnh triển khai các giải pháp kết nối cung cầu, gắn kết giữa sản xuất với phân phối và tiêu dùng; khuyến khích các sàn thương mại điện tử triển khai chính sách ưu đãi thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa sản xuất trong nước, sản phẩm địa phương...

Thực hiện hiệu quả các giải pháp kích cầu tiêu dùng trên từng địa bàn, từng mặt hàng và phạm vi cả nước, đẩy mạnh cuộc vận động "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam", chương trình OCOP, thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến; tăng cường công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, nhất là về xuất xứ hàng hóa, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng; ngăn chặn và xử lý nghiêm hành vi quảng cáo sai sự thật; không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn cung, nhất là đối với các hàng hóa thiết yếu và năng lượng.

Bộ Công Thương đẩy mạnh xúc tiến thương mại, khai thác hiệu quả 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết, khẩn trương kết thúc đàm phán và khởi động đàm phán, ký các FTA mới với các thị trường tiềm năng như Trung Đông, châu Phi, Mỹ La-tinh, Trung Á, Đông Âu, Ấn Độ, Brazil, Pakistan, Ai Cập... Khẩn trương, tích cực trao đổi, xây dựng kịch bản làm việc với các cơ quan của Mỹ để đàm phán thỏa thuận thương mại đối ứng, đảm bảo hài hòa, hợp lý, có lợi cho cả hai bên.

Từ đó, doanh nghiệp nội địa chủ yếu phục vụ thị trường nội địa và tương lai của khu vực doanh nghiệp trong nước là thị trường nội địa. Cần đặt vấn đề khảo sát thị trường nội địa gắn với khu vực tư nhân nội địa, vốn chiếm 84% thị trường lao động. Nếu khu vực này không ổn, động lực tăng trưởng sẽ không được đảm bảo.

"Về cơ bản, cần tập trung bàn những vấn đề căn cơ, gắn với

doanh nghiệp, công nghiệp, cấu trúc thương mại, gồm những vấn đề sinh tử, buộc chúng ta tư duy lại toàn bộ cấu trúc phát triển, sống còn hiện nay. Trong bối cảnh rủi ro suy thoái thế giới rõ ràng, Việt Nam cần bơm tiền để "tháo" đầu tư ra, tăng dòng chảy của tiền. Đó là những cách cơ bản, khơi thông được thị trường vốn lớn", ông Thiên nói.

Huyền Châu

DATC NGHIÊN CỨU MÔ HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN TỪ CÁC VỤ ÁN CỦA COLOMBIA

Không để tài sản thu hồi từ các vụ án "ngủ đông"

Sáng ngày 16/4/2025, DATC có buổi làm việc chuyên môn với Đoàn công tác do ông Mauricio Jaramillo-Jassir - Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Colombia làm Trưởng đoàn, Bà Camila Pole Flórez - Đại sứ Colombia tại Việt Nam và các thành viên đại diện Đại sứ quán Colombia, Trưởng đại diện Văn phòng Liên Hợp Quốc về chống Ma túy và Tội phạm (UNODC). Đón tiếp đoàn có Ông Nguyễn Thanh Bình - Phó Chánh Thanh tra Bộ Tài chính, Ông Phạm Mạnh Thường - Tổng Giám đốc DATC, cùng đại diện Lãnh đạo các đơn vị DATC.

Tại buổi làm việc, Ông Phạm Mạnh Thường đã giới thiệu tổng quan về mô hình hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Công ty. Trong hơn 20 năm hình thành và phát triển, DATC luôn thể hiện vai trò là công cụ quan trọng của Chính phủ trong lĩnh vực xử lý nợ và tài sản, hỗ trợ đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sở hữu, tái cơ cấu doanh nghiệp trong nền kinh tế. Đặc biệt, DATC đã được Chính phủ, Bộ Tài chính tin tưởng giao thực hiện xử lý nợ để hỗ trợ cổ phần hóa, tái cơ cấu nhiều tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp nhà nước, qua đó giúp phục hồi hoạt động cho các doanh nghiệp mất cân đối tài chính, đưa các tài sản, dự án trở lại hoạt động bình thường, tránh lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của xã hội, tạo việc làm và an sinh xã hội cho nhiều địa



Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) vừa có buổi làm việc với Đoàn công tác do ông Mauricio Jaramillo-Jassir - Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Colombia dẫn đầu. Sự kiện này mở ra cơ hội mới cho việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý, khai thác và xử lý tài sản từ các vụ án.

phương trên địa bàn cả nước.

Tổng Giám đốc cũng cho biết, thời gian qua, Việt Nam đang đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng và các hành vi buôn lậu, hàng giả và các vụ án kinh tế... dẫn đến tình trạng các tài sản liên quan chưa được bảo quản, sử dụng, khai thác gây lãng phí, thất thu cho Nhà nước và xã hội. Việc tận dụng, khai thác tài sản tạm giữ hay thu hồi từ các vụ án là rất quan trọng để các tài sản này không rơi vào tình trạng "ngủ đông" mà được tiếp tục chuyển hóa thành nguồn lực hữu ích cho phát triển kinh tế xã hội. Nhận thấy được tầm quan trọng đó, từ kinh nghiệm đã có và năng lực được tích lũy qua hơn 20 năm, DATC đang có kế hoạch phối hợp với Thanh tra Bộ

Tài chính thực hiện chương trình nghiên cứu về các giải pháp nâng cao hiệu quả, quản lý, bảo quản, khai thác và xử lý tài sản hình thành trước, trong và sau quá trình điều tra, truy tố, xét xử một số vụ việc, vụ án kinh tế, buôn lậu, tham nhũng, tiêu cực để đề xuất, khuyến nghị cơ chế chính sách cho các cơ quan nhà nước.

Sẵn sàng hỗ trợ DATC hoàn thiện cơ chế xử lý tài sản công

Colombia là quốc gia có nhiều kinh nghiệm trong xử lý tài sản liên quan đến các vụ án, đặc biệt là các vụ án ma túy, vụ án kinh tế, tham nhũng. Quốc gia này trong nhiều năm qua đã đẩy mạnh cải cách hành chính, pháp luật và hệ thống tư pháp nhằm nâng cao hiệu



quả phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng. Một trong những nội dung trọng tâm là xây dựng cơ chế minh bạch và hiệu quả để xử lý khối lượng lớn tài sản bị tịch thu, tăng cường nguồn thu cho Nhà nước thay vì để chúng thất thoát hoặc bị bỏ hoang. Colombia đã thành lập các cơ quan chuyên trách trong việc quản lý tài sản thu hồi, kết hợp giữa tư pháp, hành chính và các công cụ tài chính - kế toán hiện đại.

Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Mauricio Jaramillo-Jassir nhấn mạnh, Colombia đã phối hợp chặt chẽ với UNODC để phát triển khung pháp lý và cơ chế thực thi hiệu quả trong công tác phòng, chống tội phạm. Ngay cả khi các vụ án đang trong giai đoạn điều tra, các tài sản bị phong tỏa vẫn được giao cho doanh nghiệp chuyên trách quản lý và khai thác, đảm bảo giá trị tài sản được duy trì và tạo ra nguồn thu cho Nhà nước.

“Chúng tôi sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với DATC thông qua các chương trình tập huấn, hội thảo đào tạo, khảo sát mô hình... để hỗ trợ DATC cũng như Việt

Nam hoàn thiện cơ chế xử lý tài sản công” - Ông Mauricio Jaramillo-Jassir chia sẻ.

Ông Nguyễn Thanh Bình - Phó Chánh Thanh tra Bộ Tài chính cho hay, Việt Nam đang chú trọng đến hoàn thiện hệ thống pháp lý và cơ chế thực thi trong lĩnh vực xử lý tài sản liên quan các vụ án, vụ việc.

“Hiện Bộ Tài chính đang rất quan tâm đến công tác xử lý tài sản thu hồi từ các vụ án, đặc biệt là các vụ án tham nhũng. Phía Việt Nam rất mong muốn nhận được sự tư vấn, chia sẻ kinh nghiệm của Colombia về cơ chế chính sách, hành lang pháp lý để thu hồi được tài sản, đưa vào khai thác sử dụng, các trường hợp đã được xử lý thành công, mang lại nguồn thu cho Nhà nước” - Ông Nguyễn Thanh Bình nhấn mạnh.

Kết thúc buổi làm việc, DATC và đoàn công tác Colombia đã thống nhất sẽ tiếp tục duy trì kênh trao đổi và chia sẻ thông tin về lĩnh vực xử lý tài sản công. Tổng Giám đốc DATC cho biết sẽ báo cáo xin ý kiến cấp có thẩm quyền để tổ chức các chương trình trao đổi chuyên đề, hợp tác nghiên cứu,

đào tạo giữa DATC và các cơ quan chức năng của Colombia

Đoàn công tác Colombia đánh giá cao đề xuất của DATC và cho biết sẽ báo cáo kết quả buổi làm việc với cơ quan chức năng tại Colombia thúc đẩy việc xây dựng một cơ chế hợp tác chính thức, thiết thực và lâu dài giữa hai bên.

Buổi làm việc do DATC tổ chức không chỉ là dịp để DATC học hỏi kinh nghiệm quốc tế về quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản xã hội mà còn thể hiện tầm nhìn chiến lược của DATC trong việc nâng cao năng lực chuyên môn và mở rộng hoạt động. Sự kiện góp phần khẳng định vai trò tích cực của DATC trong việc đổi mới, ứng dụng kinh nghiệm quốc tế vào thực tiễn tại Việt Nam và chủ động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực xử lý tài sản, góp phần hạn chế lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của xã hội.

Trà My

DATC TẬP TRUNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2025

Ngày 09/5, Công ty Mua bán nợ Việt Nam (DATC) tổ chức chương trình Họp giao ban chuyên đề Quý II/2025 với tinh thần quyết tâm vượt qua thách thức, nắm bắt thời cơ để hoàn thành xuất sắc Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2021-2025.



Chương trình do Chủ tịch Hội đồng thành viên Lê Hoàng Hải và Tổng Giám đốc Phạm Mạnh Thường chủ trì, cùng sự tham dự của thành viên trong Hội đồng thành viên, Ban Điều hành, Kiểm soát viên và lãnh đạo các đơn vị trong toàn Công ty.

Năm 2025 là năm DATC được giao chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng 8% và đối mặt với thách thức khi Đảng và Chính phủ đang đẩy mạnh công cuộc sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo tinh thần Nghị Quyết số 18, những thay đổi này sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến việc triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, cuộc chiến thương mại toàn cầu đang tác động mạnh mẽ đến chính sách tiền tệ và tình hình tài chính Việt Nam, đặt ra nhiều khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, DATC nhận định đây cũng là cơ hội để tự khẳng định năng lực, biến thách thức thành động lực phát triển của giai đoạn mới. Kỷ nguyên mới của nền kinh tế đất nước đang mở ra, tạo điều kiện cho những đơn vị có khả năng thích ứng nhanh và đổi mới sáng tạo phát triển.

Năm 2025 đánh dấu cột mốc

quan trọng - năm cuối cùng thực hiện Kế hoạch kinh doanh 5 năm và Đề án tái cơ cấu DATC giai đoạn 2021-2025, đồng thời cũng là năm Đảng bộ DATC tổ chức Đại hội nhiệm kỳ mới 2025 - 2030. Thời điểm này không đơn thuần là giai đoạn tổng kết, đánh giá kết quả mà còn là thời điểm then chốt, tạo đà vững chắc cho chiến lược phát triển Kế hoạch giai đoạn 2026-2030. Trước yêu cầu ngày càng cao của thị trường, Tổng Giám đốc Phạm Mạnh Thường đã nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác kế hoạch, từ đó xây dựng kế hoạch hành động chi tiết để phấn đấu thực hiện, đồng thời yêu cầu toàn thể CBNV phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong công việc.

Phát biểu tại chương trình, Chủ tịch HĐQT Lê Hoàng Hải chia sẻ những đúc kết quan trọng và gửi gắm tầm nhìn cho giai đoạn phát triển sắp tới của DATC. Trong bài phát biểu đầy tâm huyết, Chủ tịch HĐQT DATC ghi nhận nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên và bày tỏ niềm tin vào tiềm năng phát triển của Công ty. "DATC cần nỗ lực không ngừng, đổi mới tư duy, linh hoạt trong cách sắp xếp, xây dựng

phương án kinh doanh. Đặc biệt, trong kỷ nguyên số hóa toàn diện, việc ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số trong quản lý điều hành không chỉ là xu thế mà còn là giải pháp thiết yếu nhằm nâng cao hiệu quả công việc và giảm thiểu rủi ro. Đây chính là chìa khóa để DATC vươn mình cùng đất nước trong kỷ nguyên mới" Ông Lê Hoàng Hải chia sẻ.

Cuộc họp giao ban chuyên đề Quý II/2025 đã kết thúc trong không khí đoàn kết, thống nhất cao, thể hiện quyết tâm của DATC trong việc vượt qua thách thức, nắm bắt thời cơ để hoàn thành xuất sắc Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2021-2025. Thành công của giai đoạn này sẽ là nền tảng vững chắc để DATC tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế trong việc tái cơ cấu doanh nghiệp, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Không chỉ là kết thúc của một giai đoạn, đây còn là điểm khởi đầu cho hành trình phát triển bền vững, vươn mình mạnh mẽ trong giai đoạn 2026-2030, đồng hành cùng đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới đầy triển vọng.

Thanh Hà

4 THÁNG ĐẦU NĂM:

NỀN KINH TẾ TIẾP TỤC ĐÀ TĂNG TRƯỞNG

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, trong tháng 4, chính sách thuế đối ứng của Mỹ tạo bất ngờ với hầu hết các quốc gia và ngay lập tức ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, thương mại thế giới. Kinh tế Mỹ quý I giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2024; các tổ chức quốc tế đồng loạt hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2025.

Việt Nam đã chủ động từ sớm, từ xa, tăng cường trao đổi, tiếp xúc đa dạng, linh hoạt ở tất cả các cấp, các kênh, đặc biệt là cuộc điện đàm của Tổng Bí thư Tô Lâm và Tổng thống Mỹ Donald Trump, Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì 10 cuộc họp về phương án đàm phán. Việt Nam đã bắt đầu đàm phán và thuộc nhóm 6 nước được Mỹ ưu tiên đàm phán trong hơn 100 nền kinh tế.

Ở trong nước, tình hình kinh tế - xã hội cơ bản ổn định, sản xuất kinh doanh duy trì đà tăng trưởng tích cực. Người dân, doanh nghiệp tin tưởng, phấn khởi trước những quyết sách kịp thời, hiệu quả của Tổng Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với chính sách thuế của Mỹ. Các hoạt động kinh tế, xã hội sôi động hơn, người dân mạnh dạn chi tiêu nhiều hơn trong dịp lễ và mùa du lịch hè sắp tới.

Từ đó, nền kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Nhiều chỉ tiêu, chỉ số tăng trưởng tốt hơn hơn so với tháng trước và cùng kỳ năm trước. Cụ thể, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 4 tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước, 4 tháng tăng 8,4%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,1%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa



Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025, Bộ Tài chính cho biết, 4 tháng đầu năm 2025, nền kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Nhiều chỉ tiêu, chỉ số tăng trưởng tốt hơn hơn so với tháng trước và cùng kỳ năm trước.

và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4 tăng 11,1%, 4 tháng tăng 9,9% (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,6%). Trong tháng 4, các doanh nghiệp đẩy mạnh đơn hàng xuất khẩu, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, xuất khẩu, nhập khẩu tăng khá cao, lần lượt đạt 18,6%, 19,1% và 18,1%, tính chung 4 tháng xuất khẩu tăng 12,8%, xuất siêu ước đạt 5,02 tỷ USD.

Tổng vốn FDI đăng ký 4 tháng ước khoảng 13,8 tỷ USD, tăng 40% so với cùng kỳ. Vốn thực hiện ước trên 6,7 tỷ USD, tăng 7,3%. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 4 tháng tăng 3,2% so với cùng kỳ. Mặt bằng lãi suất cho vay mới có xu hướng giảm.

Bên cạnh những điểm sáng tích cực, một số số liệu cũng cho thấy mục tiêu tăng trưởng, hoạt động đầu tư, kinh doanh... còn gặp nhiều thách thức. Về phía cung, số

doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường 4 tháng thấp hơn số rút lui khỏi thị trường. Giá trị sản xuất ngành khai khoáng trong tháng 4 giảm so với tháng trước và cùng kỳ năm trước, 4 tháng giảm 4,3% so với cùng kỳ, nhất là ngành dầu khí (giảm 10,6%) do giá thế giới giảm.

Về phía cầu, sức mua trong nước đã được cải thiện nhưng còn chậm. Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 4 tháng vẫn thấp hơn mục tiêu cả năm (khoảng 12%). Khách quốc tế đến nước ta tháng 4 giảm 19,5% so với tháng trước, chỉ tăng 6,3% so với cùng kỳ. Một số dự án bị đình trệ, chậm tiến độ, có các vướng mắc pháp lý cần đẩy nhanh tháo gỡ để sớm được triển khai, hoàn thành.

Hải Yến

NHIỀU NHÀ MÁY Ở TRUNG QUỐC BẮT ĐẦU NGẮM ĐÒN THUẾ QUAN MỸ

Ông Cameron Johnson, đối tác cấp cao của hãng tư vấn Tidalwave Solutions tại Thượng Hải, tiết lộ với CNBC rằng nhiều nhà máy ở Trung Quốc đã yêu cầu một nửa số nhân viên trở về nhà trong vài tuần và dừng hầu hết dây chuyền sản xuất. Mặc dù tình trạng này chưa xảy ra trên quy mô lớn, việc dừng sản xuất đang diễn ra tại các trung tâm xuất khẩu chính của Trung Quốc là Nghĩa Ô và Đông Quan. Một số người lo ngại tình hình sẽ leo thang bởi đòn thuế quan Mỹ.

“Người ta hy vọng thuế quan Mỹ sẽ giảm để các đơn hàng có thể tiếp tục, nhưng trong giai đoạn chờ đợi, các công ty đang cho nhân viên nghỉ phép và tạm dừng một số dây chuyền”, ông Cameron nói thêm.

Đối tác của Tidalwave Solutions xác nhận các nhà máy sản xuất đồ chơi, đồ thể thao và hàng hoá giá rẻ thường bày bán trong các cửa hàng Dollar Store chịu ảnh hưởng nặng nề nhất.

Goldman Sachs ước tính khoảng 10 đến 20 triệu công nhân Trung Quốc làm việc tại các công ty xuất khẩu sang Mỹ. Theo số liệu chính thức năm ngoái, số lượng công nhân tại các thành phố của Trung Quốc là 473,45 triệu người.

Ash Monga, nhà sáng lập kiêm giám đốc điều hành công ty chuỗi cung ứng Imex Sourcing Services tại Quảng Châu, cảnh báo tác động của các đợt thuế quan gần đây “lớn hơn nhiều” so với đại dịch COVID-19. Vị giám đốc điều hành lưu ý rằng đối với các doanh nghiệp nhỏ chỉ có vài triệu USD nguồn lực, họ có khả năng không thể chịu đựng được khi thuế quan tăng đột ngột, thậm chí có thể phải phá sản.



Hàng loạt nhà máy tại Trung Quốc đang tạm dừng sản xuất và tìm những thị trường mới khi đòn thuế quan Mỹ bắt đầu có tác động.

Khách hàng và nhiều nhà nhập khẩu sản phẩm Trung Quốc khác rất quan tâm đến thuế quan. Vì vậy, theo Ash Monga, công ty Imex Sourcing sẽ ra mắt website “Tariff Help” để giúp doanh nghiệp nhỏ tìm nhà cung cấp bên ngoài Trung Quốc.

Tình trạng gián đoạn kinh doanh đang buộc các nhà xuất khẩu Trung Quốc phải thử những chiến lược bán hàng mới. Woodswool, một nhà sản xuất đồ thể thao tại Ninh Ba, đã nhanh chóng chuyển sang bán quần áo trực tuyến tại Trung Quốc thông qua hình thức livestream. Đây là một bước nhỏ giúp Woodswool cứu vãn hoạt động kinh doanh đã mất.

Sau khi ra mắt kênh bán hàng cách đây khoảng một tuần, công ty cho biết họ đã nhận được hơn 30 đơn đặt hàng với tổng giá trị hàng hoá hơn 5.000 nhân dân tệ (tương đương 690 USD). “Tất cả các đơn hàng tại Mỹ của chúng tôi đều đã bị huỷ”, ông Li Yan, quản lý nhà máy kiêm Giám đốc thương hiệu

của Woodswool, cho hay. Ông tiết lộ hơn một nửa sản lượng của công ty từng vận chuyển đến Mỹ và một số dây chuyền sẽ không hoạt động trong hai đến ba tháng tới cho đến khi Woodswool có thể xây dựng những thị trường mới.

Triển khai các phiên livestream là một phần trong nỗ lực của các ông lớn công nghệ Trung Quốc (theo yêu cầu của Bắc Kinh) nhằm giúp các nhà xuất khẩu chuyển hướng hàng hoá vào thị trường nội địa. Woodswool đang bán sản phẩm trực tuyến thông qua Baidu. Li cho biết ông chọn livestream bằng người ảo vì ông có thể bắt đầu trong hai tuần mà không cần phải tốn thời gian và tiền bạc để cải tạo studio và thuê nhân viên bán hàng. Baidu xác nhận họ đã làm việc với ít nhất vài trăm doanh nghiệp Trung Quốc để triển khai các kênh thương mại điện tử trong nước.

Linh Phong

EVNGENCO3 KIỂM TRA CÔNG TÁC SẢN XUẤT ĐIỆN MÙA KHÔ TẠI CÔNG TY THỦY ĐIỆN BUÔN KUỐP

Báo cáo với đoàn công tác, lãnh đạo Công ty Thủy điện Buôn Kuốp cho biết, sản lượng điện lũy kế 04 tháng đầu năm 2025 của Công ty là 590 triệu kWh, đạt 22,4% kế hoạch năm. Ước sản lượng cả năm khoảng 2,63 tỷ kWh, đạt 100% kế hoạch sản lượng được giao. Từ ngày 12/5, tổ máy H1 - Buôn Tua Srah được triển khai sửa chữa bảo dưỡng, dự kiến hoàn thành vào ngày 21/5 tới. Tổ máy H2 dự kiến thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng từ 23/5 - 06/6/2025. Công tác sửa chữa bảo dưỡng được thực hiện đúng kế hoạch, giúp nâng cao hệ số khả dụng và vận hành tin cậy trong thời gian tới, nhất là các tháng cao điểm mùa khô năm 2025.

Qua kiểm tra thực tế tại Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah, Ông Lê Văn Danh - Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá cao nỗ lực và kết quả mà Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Phân xưởng Vận hành Buôn Tua Srah đã đạt được. Đồng thời đề nghị Công ty tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả các giải pháp đảm bảo sản xuất điện an toàn, ổn định trong mùa khô, cần chú trọng nhiệm vụ cấp nước cho vùng hạ du, phối hợp chặt chẽ với chính quyền, người dân chủ động kế hoạch lấy nước phục vụ sinh hoạt, canh tác. Bên cạnh đó, Lãnh đạo Tổng



Ông Trần Văn Khánh - Giám đốc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp báo cáo tại cuộc họp

Ngày 13/5/2025, Đoàn công tác của Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO3) do Ông Lê Văn Danh - Tổng Giám đốc Tổng Công ty làm trưởng đoàn, cùng các Phó Tổng Giám đốc, lãnh đạo Công đoàn và đại diện các Ban Tổng Công ty đến kiểm tra tình hình sản xuất điện, sửa chữa bảo dưỡng các tổ máy và công tác đảm bảo cấp nước cho hạ du trong khô tại Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah - Công ty Thủy điện Buôn Kuốp. Ông Trần Văn Khánh - Giám đốc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, cùng Ban lãnh đạo, đại diện các Phòng, Phân xưởng Công ty làm việc với đoàn.

Công ty cũng thông báo về tình hình triển khai phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Tổng Công ty, kế hoạch triển khai các dự án nguồn điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và chỉ đạo Công ty Thủy điện Buôn Kuốp hoàn thiện Đề án thành lập Trung tâm điều khiển tập trung các nhà máy để trình Tổng Công ty thông qua, làm cơ sở để triển khai thực hiện với mục tiêu đưa Trung tâm điều khiển tập trung vào vận hành vào cuối năm 2026.

Nhân dịp này, Đoàn công tác đã thăm hỏi, động viên hơn 40 cán bộ công nhân viên, người lao động đang trực tiếp thực hiện công tác vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng tại Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah. Công đoàn Tổng Công ty cũng trao tặng những phần quà ý nghĩa nhằm khích lệ tinh thần người lao động trong cao điểm sản xuất điện mùa khô và hưởng ứng Tháng Công nhân năm 2025.

Công ty Thủy điện Buôn Kuốp



Ông Lê Văn Danh - Tổng Giám đốc EVNGENCO3 kiểm tra công tác vận hành Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah



Tổng Công ty, Công đoàn EVNGENCO3 trao quà cho Đoàn viên, NLĐ tại Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah

HƯỚNG ĐẾN
TRUNG TÂM
NĂNG LƯỢNG
CỦA MIỀN TRUNG



Dự án điện gió ở vùng Tây Quảng Trị



Công trình thủy điện trên sông Đakrông, Quảng Trị.

Trong công cuộc đổi mới, vùng đất một thời gian khó, “đầy nắng và gió khắc nghiệt” này giờ đang trở thành địa phương có tiềm năng, lợi thế để phát triển nguồn năng lượng dồi dào. Đây chính là cơ sở quan trọng để phấn đấu đưa Quảng Trị sớm trở thành trung tâm năng lượng của miền Trung.

Quảng Trị là địa bàn có điều kiện thuận lợi để phát triển các dự án năng lượng tái tạo từ gió, mặt trời, do đó đã nhận được nhiều sự quan tâm, chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ngành TW để cụ thể hóa Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tỉnh Quảng Trị cũng đã được Chính phủ phê duyệt danh mục các dự án điện gió, điện mặt trời trong Tổng sơ đồ điện VII và điện VII điều chỉnh.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII; Chương trình hành động số 15-CT/TU ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã tạo cơ sở để cả hệ thống chính trị vào cuộc, tập trung đề ra và tổ chức thực hiện các giải pháp để thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực, nhằm phấn đấu đưa Quảng Trị trở thành trung tâm năng lượng của miền Trung và cả nước.

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, đã có 20 dự án điện gió với tổng công suất 742,2 MW; 0 dự án điện mặt trời với tổng công suất 119,6 MW (149,5MWp) và 11 dự án thủy điện với tổng công suất 167,5 MW và 90,7MW hệ thống điện mặt trời mái nhà đã phát điện và vận hành thương mại. Như vậy, tổng công suất đã hoàn thành, vận hành phát điện thương mại trên địa bàn tỉnh đến thời điểm này là 1.119,5 MW.

Tính từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh

Quảng Trị đến nay (2020 – 2025), tổng công suất vận hành, phát điện thương mại của các dự án năng lượng trên địa bàn tỉnh đã tăng hơn 3,5 lần so với nhiệm kỳ trước; trong đó, các dự án điện gió đứng đầu cả nước về số lượng dự án và tổng công suất phát điện thương mại của các dự án điện gió trên toàn quốc (chiếm 16,9%).

Bên cạnh đó, tỉnh còn 10 dự án điện gió với tổng công suất 394 MW và 7 dự án thủy điện nhỏ với tổng công suất 93 MW đã được phê duyệt quy hoạch, đã cấp chủ trương đầu tư và các nhà đầu tư đang triển khai xây dựng.

Với việc phát triển các dự án năng lượng tái tạo như kể trên, Quảng Trị cũng đã khởi động những dự án năng lượng có quy mô lớn. Tại Khu Kinh tế Đông Nam, các dự án điện khí cũng được thu hút đầu tư; như Dự án Nhà máy điện tua bin khí chu trình hỗn hợp Quảng Trị có công suất 340 MW đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh và đồng ý giao cho Công ty Gazprom EP International B.V. (thuộc Tập đoàn Gazprom - Liên bang Nga) làm chủ đầu tư dự án, sử dụng khí từ mỏ Báo Vàng ngoài khơi bờ biển Quảng Trị; Dự án Trung tâm Điện khí LNG Hải Lăng giai đoạn 1 với công suất 1.500 MW cũng được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh và đã được cập nhật vào Quy hoạch điện VIII và do tổ hợp nhà đầu tư bao gồm các đơn vị: Tập đoàn T&T Group (Việt Nam) và 3 Nhà đầu tư Hàn Quốc (Công ty Điện lực Nam Hàn Quốc - KOSPO, Tổng Công ty khí Hàn Quốc - KOGAS và Tổng Công ty năng

lượng Hanwha - HEC) làm chủ đầu tư dự án, hiện đang hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án để trình Bộ Công Thương phê duyệt, Dự án dự kiến hoàn thành đóng điện vận hành vào năm 2027 - 2028.

Bên cạnh đó, Quy hoạch điện VIII cũng đã cập nhật các dự án điện khí tiềm năng như Dự án Nhà máy điện khí LNG Hải Lăng 1 - Quảng Trị với công suất 1.500 MW do Liên danh Công ty TNHH Tài Tâm - Công ty CP Đầu tư và kinh doanh BĐS Thăng Long đề xuất và Giai đoạn 2 của dự án Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng với công suất 3.000 MW do Tập đoàn T&T Group đề xuất.

Đối với dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị do nhà đầu tư Công ty Điện lực Quốc tế Thái Lan - EGATi đầu tư chậm tiến độ và xin dừng thực hiện dự án; UBND tỉnh Quảng Trị cũng đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đồng ý chuyển đổi Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị sang nhà máy nhiệt điện khí LNG nhập khẩu, đầu tư theo hình thức IPP; điều chỉnh quy mô công suất từ 1.320 MW sử dụng nhiên liệu than lên công suất 1.500 MW dùng nhiên liệu khí hóa lỏng LNG, vận hành giai đoạn 2025 - 2030 trong Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

Để phát huy tiềm năng các nguồn năng lượng của tỉnh, tỉnh Quảng Trị đã trình cấp có thẩm quyền xem xét và đưa vào Quy hoạch điện VIII các dự án tiềm năng, như nguồn điện gió trên bờ có 62 dự án với tổng công suất 4.748 MW và đồng ý chủ trương cho nghiên cứu, khảo sát 12 dự án với tổng công suất dự kiến 1.100MW; nguồn điện gió ngoài khơi tiềm năng có 03 Dự án với tổng công suất 2.600 MW và 4 dự án đồng ý chủ trương nghiên cứu, khảo sát với tổng công suất 3.000 MW; (iii) về nguồn điện mặt trời, ngoài 3 dự án đã phát điện vận hành thương mại nêu trên, Quy hoạch điện VIII đã cập nhật 23 dự án nhà máy điện mặt trời với tổng công suất 1.819 MWp vào các dự án điện mặt trời tiềm năng kỹ thuật; về tiềm năng kỹ thuật điện sinh khối Quảng Trị có 4 dự án nhà máy đề xuất với tổng công suất 120 MW; Về các dự án thủy điện tích năng tiềm năng của Quảng Trị có 2 Dự án đã cập nhật gồm Nhà máy thủy điện tích năng Đakrông Quảng Trị có công suất 1.200 MW và Nhà máy thủy điện tích năng Cam Lộ có công suất 1.000 MW, UBND tỉnh Quảng Trị đã đồng ý cho chủ trương nghiên cứu, khảo sát 02 dự án thủy điện tích năng với tổng công suất 1.000 MW; Về thủy điện, tiềm năng mở rộng, nâng công suất công trình thủy lợi - thủy điện Quảng Trị tăng thêm 48 MW và các dự án thủy điện nhỏ mở rộng, nâng công suất tăng thêm khoảng 110 MW; Quy hoạch điện VIII

cũng cập nhật tiềm năng kỹ thuật điện địa nhiệt: Quảng Trị 19,8 MW (nhiệt độ 189OC). Tuy nhiên, để triển khai thực hiện đầu tư các dự án tiềm năng này, phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Sau khi đi vào hoạt động, cùng với việc đóng góp vào ngân sách địa phương, các dự án năng lượng trên địa bàn tỉnh đã góp phần đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông khoảng hơn 100 km, tạo việc làm cho gần 600 lao động là người địa phương, cải thiện sinh kế, an sinh xã hội cho địa phương...Đồng thời, các dự án năng lượng trên địa bàn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo hướng vừa phát triển “Cánh đồng điện gió”, vừa đảm bảo môi trường sinh thái, ổn định đời sống người dân vùng dự án và phục vụ phát triển du lịch.

Bên cạnh đó, tỉnh Quảng Trị quyết tâm cải thiện môi trường đầu tư trên cơ sở đúng pháp luật, tạo sự thân thiện, an toàn, hiệu quả cho các nhà đầu tư khi đến tìm hiểu cơ hội đầu tư tại địa phương; định hướng lựa chọn nhà đầu tư lớn, tầm cỡ trên cơ sở sử dụng ít tài nguyên, sử dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra nhiều việc làm, các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Phát triển công nghiệp năng lượng đang được xem là trụ cột quan trọng để Quảng Trị có điều kiện phát huy vai trò của mình trong liên kết vùng. Đặc biệt, thông qua hệ thống truyền tải năng lượng quốc gia, Quảng Trị sẽ có điều kiện tiếp tục phát triển các vùng phụ tải để hình thành trung tâm công nghiệp chế biến, trên nền tảng nền nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch. Chính vì vậy, tỉnh quyết tâm đồng hành với nhà đầu tư triển khai xây dựng các dự án năng lượng đã được quy hoạch, đồng thời ưu tiên thu hút đầu tư xây dựng và phát triển các dự án động lực trong Khu Kinh tế Đông Nam như Cảng nước sâu Mỹ Thủy; Khu Công nghiệp VSIP; Khu công nghiệp đa ngành; logistic; nhà máy thép hợp kim, INOX ASIA;...sớm đi vào hoạt động. Đây là các dự án hạt nhân phát triển công nghiệp của tỉnh.

Với các dự án năng lượng đang và sẽ triển khai thực hiện, Quảng Trị đang dần trở thành “điểm tập trung” nhiều dự án quy mô lớn về năng lượng, hạ tầng, du lịch... Đây sẽ là “đòn bẩy” để sớm đạt mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao của cả nước và trở thành trung tâm năng lượng của miền Trung vào năm 2030 như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII đã đề ra.



Mô hình dự án bến cảng nước sâu Mỹ Thủy, thuộc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

Sau gần một thập niên hình thành và xây dựng, Khu kinh tế (KKT) Đông Nam tỉnh Quảng Trị đã hiệu hữu một bước về hạ tầng, thu hút hàng chục dự án, tạo nên tiền đề then chốt, để phát triển thêm nhiều động thái mới nhằm hấp dẫn, gọi mời nhà đầu tư mới.

Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị: THỰC TRẠNG VÀ CƠ HỘI THU HÚT NHÀ ĐẦU TƯ

Quyết định số 42/2015/QĐ-TTg ngày 16/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập KKT Đông Nam Quảng Trị: KKT Đông Nam Quảng Trị bao gồm 17 xã, thị trấn có diện tích tự nhiên 23.792ha.

Theo Quyết định thành lập khu kinh tế của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu phát triển KKT Đông Nam Quảng Trị là khai thác tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế và chính trị trong giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị, khu vực Trung Bộ nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách khu vực này với các vùng khác trong cả nước; trở thành trung tâm giao thương quốc tế, trung tâm công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất điện năng, du lịch, thương mại dịch vụ; cảng biển lớn của vùng Trung Bộ; phát triển đô thị và những ngành kinh tế khác gắn với Hành lang kinh tế Đông Tây; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; đô thị văn minh, kiến trúc tiên tiến; Hình thành được các phân ngành, sản phẩm mũi nhọn chủ lực có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao trong các ngành công nghiệp,

du lịch, dịch vụ và nông nghiệp nhằm tạo ra thế và lực cho sự phát triển lâu dài của tỉnh Quảng Trị và vùng Trung Bộ; Tạo việc làm, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng thu nhập cho người lao động. Quyết định thành lập cũng xác định: Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị bao gồm các khu chức năng như khu công nghiệp, khu hành chính, khu dân cư, khu du lịch, khu dịch vụ, khu cảng.

Thời gian qua, Ban Quản lý KKT tỉnh Quảng Trị đã phối hợp với các Sở, ngành trong tỉnh sử dụng, huy động vốn đầu tư từ nhiều nguồn như ngân sách TW, ngân sách tỉnh, ngân sách địa phương, nguồn vốn do BQL KKT tỉnh Quảng Trị quản lý để xây dựng kết cấu hạ tầng KKT. Đến nay, các tuyến giao thông đối ngoại kết nối KKT với mạng lưới giao thông quốc gia và tỉnh đã hình thành. Tuyến đường bộ trục dọc phía Đông KKT cũng đã cơ bản hoàn thành, tạo cơ sở cho việc thu hút các dự án đầu tư vào KKT.

Tính đến nay, tại KKT Đông Nam Quảng Trị có khoảng 56 dự án đăng ký đầu tư với tổng vốn đăng ký đạt trên 306.811 tỷ đồng, trong đó 20 dự án đi vào hoạt động với tổng vốn đăng ký đầu tư trên

2.350 tỷ đồng, 30 dự án dự án đang làm thủ tục thuê đất, xây dựng và triển khai xây dựng với tổng vốn đăng ký đầu tư hơn 150.396 tỷ đồng; 6 dự án đang hoàn thiện thủ tục đầu tư với tổng số vốn dự kiến đăng ký đầu tư trên 154.065 tỷ đồng. Các dự án đã được cấp chủ trương đầu tư vào KKT đến nay đều phù hợp với định hướng phát triển của KKT. Trong số các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư/cấp Giấy CNĐKĐT có các dự án có tầm quan trọng chiến lược với KKT như dự án Khu bến Cảng biển Mỹ Thủy, nhà máy nhiệt điện BOT Quảng Trị I 1.320MW (Nay đã chính thức dừng đầu tư - hiện đang được nghiên cứu để chuyển đổi sang điện khí hoặc được EVN tiếp tục đầu tư nhà máy nhiệt điện), LNG Hải Lăng giai đoạn 1, các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (KCN) đa ngành Triệu Phú, KCN Quảng Trị (Dự kiến sẽ đưa vào KKT Đông Nam sau điều chỉnh ranh giới); các nhà máy đóng tàu; khu logistics - ngoại quan... Ước tính KKT đã tạo việc làm cho khoảng 48.722 lao động, góp phần nâng cao thu nhập, nâng cao đời sống người dân.



Khu vực Cửa Việt, thuộc KKT Đông Nam Quảng Trị

Có thể nói, KKT Đông Nam Quảng Trị đã đạt được những kết quả bước đầu rất tích cực trong phát triển kết cấu hạ tầng cũng như thu hút đầu tư dự án sản xuất kinh doanh. Hạ tầng giao thông đối ngoại kết nối KKT với mạng lưới giao thông quốc gia và tỉnh gồm QL.9, QL.49C, QL.15D đều đã hình thành, được nâng cấp, mở rộng cho phép nhà đầu tư, các dự án dễ dàng tiếp cận đến tất cả các phân khu của KKT. Tuyến đường bộ trục dọc phía Đông KKT đã cơ bản hoàn thành, một số tuyến giao thông kết nối ngang Đông-Tây trong KKT cũng đã được xây dựng, tạo cơ sở cho việc thu hút các dự án đầu tư vào KKT.

Đồng thời KKT Đông Nam Quảng Trị đã thu hút được lượng vốn đăng ký đầu tư lớn vào các ngành, lĩnh vực như đầu tư kinh doanh hạ tầng cảng biển, đầu tư nhiệt điện và điện tái tạo, công nghiệp gang thép, công nghiệp chế biến chế tạo phù hợp với định hướng phát triển của KKT. Các dự án đã đăng ký đầu tư khi được triển khai thực hiện và đi vào hoạt động sẽ thúc đẩy KKT phát triển mạnh mẽ.

Ông Phạm Ngọc Minh - Trưởng Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị cho biết: Để tiếp tục thu hút các nhà đầu tư đến với KKT, cùng với việc tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng KKT, mới đây UBND tỉnh Quảng Trị đã có tờ trình Chính phủ về việc điều

chỉnh, mở rộng ranh giới KKT Đông Nam Quảng Trị.

Mục tiêu việc điều chỉnh ranh giới và phát triển KKT Đông Nam Quảng Trị là mở rộng không gian phát triển, nhằm phát huy tiềm năng lợi thế và nâng cao hiệu quả phát triển khu kinh tế để Quảng Trị chuyển mình bứt phá vươn lên trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Cụ thể bổ sung diện tích dọc tuyến Quốc lộ 15D kết nối với Cao tốc Cam Lộ - La Sơn làm tang không gian phát triển của KKT Đông Nam tỉnh Quảng Trị, tạo nên hành lang kinh tế liên kết chặt chẽ với Cửa khẩu quốc tế La Lay, tạo thêm sức hấp dẫn cho các khu vực lân cận của tuyến Quốc lộ 15D, như khu công nghiệp Quảng Trị đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

Đồng thời mở rộng ranh giới Khu kinh tế theo hướng Bắc gần với sự phát triển lan tỏa của khu vực dự án động lực Cảng hàng không Quảng Trị tạo ra xung lực mới đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng của Cảng hàng không Quảng Trị, thúc đẩy hình thành cụm ngành công nghiệp - dịch vụ hàng không, công nghiệp bán dẫn, các ngành công nghiệp công nghệ cao, đô thị sân bay... tại khu vực phía Bắc KKT Đông Nam Quảng Trị. Điều chỉnh ranh giới và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị có ý nghĩa quyết định nâng cấp cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội của Vùng động lực kinh tế của tỉnh Quảng Trị; đẩy mạnh quá trình đô thị hoá

khu vực ven biển; liên kết thúc đẩy phát triển chuỗi đô thị phía Tây kết nối với khu vực đô thị phía Đông; Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với vị trí chiến lược nằm trên trục hành lang kinh tế Đông - Tây và các tuyến giao thông huyết mạch, khu kinh tế đã tạo động lực mạnh mẽ thu hút đầu tư, đặc biệt là các dự án công nghiệp nặng như nhiệt điện, cảng biển. Sự hình thành và phát triển của khu kinh tế sẽ góp phần tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu GDP của tỉnh, giảm dần sự phụ thuộc vào nông nghiệp. Đồng thời, khu kinh tế còn tạo ra nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ hỗ trợ.

Những kết quả đạt được trong gần 10 năm xây dựng và phát triển, cùng với những động thái mới, thời gian tới KKT Đông Nam Quảng Trị sẽ có thêm nhiều cơ hội tích cực để thu hút thêm nhiều nhà đầu tư, dự án đến với KKT. Đây chính là một trong những động lực quan trọng, góp phần từng bước chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp - dịch vụ, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế của Quảng Trị trong quá trình hội nhập.

Khu kinh tế có địa hình bằng phẳng, diện tích đất đai rộng lớn; cây cối, vật kiến trúc có giá trị thấp, nên thuận lợi trong công tác giải phóng mặt bằng. Quỹ đất dồi dào đáp ứng nhu cầu phát triển các dự án quy mô lớn. Bên cạnh đó, Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị có điều kiện giao thông khá thuận lợi cả về đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, nên kết nối thuận tiện với mạng lưới giao thông quốc gia và quốc tế.

Hữu Tiến

QUẢNG TRỊ:

ĐIỂM SÁNG VỀ PHÁT TRIỂN TIỀM NĂNG VẬT LIỆU CÔNG NGHIỆP BÁN DẪN



Quảng Trị có diện tích khu vực dự trữ khoáng sản cát trắng 40,2km² chiếm 45,93% diện tích khu vực dự trữ khoáng sản cát quốc gia

Quảng Trị là một trong những địa phương của tâm điểm “gió Lào cát trắng”, chính những yếu tố khắc nghiệt từ thiên nhiên này, lại chứa đựng nhiều cơ hội phát triển kinh tế ít nơi nào có được, đặc biệt cát trắng đang là điểm sáng về tiềm năng phát triển công nghiệp bán dẫn.

Nguyên liệu chủ yếu để sản xuất chất bán dẫn là silicon tinh khiết, thường được lấy từ cát silic. Silicon được chế biến để loại bỏ các tạp chất như kim loại nặng, oxit và các hợp chất hữu cơ, nhằm đạt độ tinh khiết cao.

Vật liệu bán dẫn là nền tảng của rất nhiều các thiết bị gắn gũi với khoa học công nghệ và đời thường. Chúng không chỉ giúp cải thiện tốc độ xử lý hay kích thước của các thiết bị nói riêng mà còn giúp cho cuộc sống con người trở nên tiện nghi hơn. Từ những ứng dụng của chất bán dẫn trong đời sống và công nghệ có thể thấy rằng đây là một vật liệu không thể thiếu trong quá trình phát triển và tiến bộ của con người.

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, tỉnh Quảng Trị là 1 trong 4 tỉnh quy hoạch dự trữ khoáng sản cát trắng quốc gia, có diện tích khu vực dự trữ khoáng sản cát trắng 40,2km² chiếm 45,93% diện tích khu vực dự trữ khoáng sản cát quốc gia, trữ lượng 736 triệu tấn chiếm 47,85% trữ lượng khoáng sản cát quốc gia, tập trung tại các địa phương như Triệu Phong, Hải Lăng, Gio Linh.

Các mỏ silicat đã được Chính phủ cấp theo Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 Phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, tỉnh Quảng Trị có các điểm mỏ, như điểm mỏ cát trắng Bắc Cửa Việt, gồm các xã Gio Mỹ và xã Gio Thành, huyện Gio Linh; Cát trắng khu vực Ngã 5, gồm các xã Hải Thượng, Hải Thọ, Hải Thiện, Hải Vĩnh, Hải Xuân, Hải Lâm, Hải Ba, huyện Hải Lăng; Cát trắng Vĩnh Tú - Vĩnh Thái, gồm các xã Vĩnh Tú và xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh; Cát trắng Vĩnh Tú, gồm các xã Vĩnh Tú và xã Vĩnh

Thái, huyện Vĩnh Linh; Cát trắng Đồng Luật thuộc xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tổng diện tích của các điểm mỏ trên 1.075ha, có trữ lượng 56.438.000 tấn, công suất khai thác 1.976.000 tấn/năm.

Thực tế sản xuất silicat tại Quảng Trị cho đến thời điểm hiện tại mới có Công ty cổ phần VICO Quảng Trị được Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp & Môi trường) cấp giấy phép khai thác cát trắng có tổng diện tích 446ha thuộc địa bàn các huyện Hải Thượng, Hải Thọ, Hải Vĩnh, Hải Xuân, Hải Lâm và khu vực Hải Ba, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Công suất khai thác giai đoạn 1: 453.000 tấn/năm; giai đoạn 2: 150.000 tấn/năm, thời hạn khai thác 29 năm (từ 2011 đến 2040). Theo đó, đến năm 2016 Công ty VICO đã đưa hệ thống dây chuyền chế biến cát đi vào hoạt động. Sản phẩm của doanh nghiệp này chế biến thô rồi xuất khẩu qua một số nước như Hàn Quốc, Đài Loan, một số nước Châu Phi. Đến tháng 5/2018, Thủ tướng Chính phủ có Công văn 602/TTg-CN chỉ đạo ngừng xuất khẩu khoáng sản thô (trong đó có cát trắng), chỉ xuất khẩu các loại đã qua chế biến sâu có giá trị.

Trong thời gian chế biến và xuất khẩu sản phẩm cát tinh chế của những hợp đồng đã được kí kết trước ngày ban hành Công văn 602/TTg-CN nói trên, Công ty VICO đã tìm hướng mới cho hoạt động khai thác khoáng sản - cát trắng phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty cổ phần VICO Quảng Trị đã liên doanh với một số đối tác để đầu tư thêm các dự án ngay trên diện tích đất của VICO Quảng Trị. Cụ thể, VICO Quảng Trị đã liên



Dự án chế biến cát trắng của Công ty VICO Quảng Trị

doanh với Công ty TNHH công nghiệp NSG Việt Nam (doanh nghiệp do người Nhật Bản làm chủ) xây dựng nhà máy chế biến cát thạch anh cao cấp, với công suất 225.000 tấn/năm, tổng mức vốn đầu tư là 164 tỷ đồng.

Để tiêu thụ sản phẩm cát thạch anh mà NSG liên doanh với VICO Quảng Trị, NSG đã xây dựng nhà máy sản xuất kính năng lượng mặt trời tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Vì vậy, sản phẩm cát thạch anh sau khi được sản xuất tại Quảng Trị sẽ cung cấp cho nhà máy sản xuất kính năng lượng mặt trời (NSG).

Song song việc liên doanh với SNG, VICO Quảng Trị cùng với đối tác truyền thống của mình, đó là Công ty TNHH Saint - Gobain Việt Nam (do người Pháp làm chủ doanh nghiệp) đầu tư thêm dự án sản xuất tấm lợp Calcium Silicate, với công suất 5.000.000m² tấm/năm và 8.000.000m² tấm đá nhân tạo gốc Calcium Silicate/năm, tổng mức vốn đầu tư 220 tỷ đồng.

Theo Hiệp hội công nghiệp bán dẫn (SIA), hiện tại sản xuất vật liệu bán dẫn toàn cầu tập trung tại các nhà máy hàng đầu, đó là Taiwan Semiconductor Manufacturing Company (TSMC), có trụ sở tại Hsinchu, Đài Loan (TQ); Samsung Electronics, trụ sở Suwon, Hàn Quốc; Intel Corporation, trụ sở Santa Clara, California, Mỹ; NVIDIA Corporation, trụ sở: Santa Clara, California, Mỹ; Semiconductor Manufacturing International Corporation (SMIC), trụ sở: Thượng Hải, Trung Quốc. Nhu cầu tiêu thụ hàng năm của các nhà máy này đạt hàng trăm tỷ USD.

Tại Việt Nam, theo công bố SIA, năm 2024, doanh thu ngành bán dẫn đạt 18,7 tỉ USD, với khoảng 50 doanh nghiệp thiết kế vi mạch và 6.000 kỹ sư thiết kế, nhưng phần lớn lợi nhuận thuộc về các doanh nghiệp FDI với tổng vốn đầu tư khoảng 11,6 tỉ USD và con số này được dự đoán sẽ tiếp tục tăng mạnh.

Theo thông tin từ Bộ Tài chính, đang có 174 dự án FDI đăng ký hoạt động trong lĩnh vực bán dẫn, tổng vốn gần 11,6 tỉ USD. Hầu hết các doanh nghiệp lớn trong ngành như Intel, Marvell Technology, Samsung, CoAsia SEMI (Hàn Quốc), Renesas (Nhật Bản)... đều đã có mặt ở Việt Nam.

Ngày 21/9/2024, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1018/QĐ-TTg Ban hành Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035, theo đó ưu tiên hàng đầu cho phát triển công nghiệp bán dẫn với những lợi thế về địa chính trị, nhân lực và tài nguyên trữ lượng đất hiếm. Chiến lược sẽ đề ra tầm nhìn, khẳng định quyết tâm, mục tiêu, lộ trình, các nhiệm vụ giải pháp cũng như các chính sách ưu đãi đặc biệt của Việt Nam nhằm phát triển công nghiệp điện tử nói chung và công nghiệp bán dẫn nói riêng. Trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là đẩy nhanh việc Việt Nam tham gia vào hệ sinh thái bán dẫn

khu vực, thu hút các doanh nghiệp bán dẫn trên toàn cầu hiện diện và sản xuất, nghiên cứu phát triển tại Việt Nam. UBND tỉnh Quảng Trị cũng đã ban hành Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 thành lập Nhóm thực hiện đề án khoa học và công nghệ cấp quốc gia: “Tận dụng lợi thế tài nguyên cát trắng silic và hạ tầng giao thông tin chiến lược Quảng Trị: Phát triển chuỗi giá trị từ khai thác, chế biến đến sản xuất vật liệu bán dẫn và công nghiệp công nghệ cao” do ông Lê Đức Tiến, Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ nhiệm đề tài.

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị Lê Đức Tiến cho biết, từ hoạt động sản xuất ngành công nghiệp bán dẫn trên toàn cầu cũng như trong nước, đặc biệt là tiềm năng vùng nguyên liệu sản xuất chất bán dẫn dồi dào của địa phương và trên cơ sở Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, UBND tỉnh Quảng Trị đã chỉ đạo Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại & Du lịch tỉnh Quảng Trị hình thành Nhận diện Dự án đầu tư Trung tâm Công nghiệp bán dẫn và Công nghệ cao tỉnh Quảng Trị, đồng thời nghiên cứu trình UBND tỉnh xem xét, thúc đẩy phê duyệt chủ trương đầu tư, tạo tính chủ động, sẵn sàng trong việc vận động các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiềm năng vào nghiên cứu, thực hiện các dự án tiềm năng. Mục tiêu của dự án, là xây dựng một Khu công nghiệp công nghệ cao nhằm thu hút các doanh nghiệp trong lĩnh vực bán dẫn, vi điện tử, công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao năng lực công nghiệp công nghệ cao của tỉnh Quảng Trị, gia tăng chuỗi giá trị sản phẩm địa phương.



BIWASE

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐC: Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274.38 38 333 - Email: binhduong@biwase.com.vn - Web: biwase.com.vn

Sử Dụng SẢN PHẨM CỦA BIWASE Là Góp Phần Bảo Vệ Môi Trường

BIWASE

NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI
ION-GOLD BIWASE

0274.3669.996



BIWASE

GẠCH BIWASE
CON VÔI BÌNH DƯƠNG

0274.6566.999



BIWASE

PHÂN BÓN HỮU CƠ
CON VÔI BÌNH DƯƠNG

0274.3868 999 - 3872 999

Hãy Sử Dụng Sản Phẩm
TỪ TÁI CHẾ RÁC

MANG MÀU XANH ĐẾN RUỘNG VƯỜN CHO NHÀ NÔNG THỊNH VƯỢNG



PHÙ HỢP CHO TẤT CẢ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG

